

Số: 76/BC-CTK

Hà Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2024

## BÁO CÁO

### TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 3 VÀ QUÝ I NĂM 2024

Kính gửi: Vụ Thống kê Tổng hợp và Phổ biến thông tin thống kê.

Quý I năm 2024 bối cảnh chung thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp, khó lường; xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na kéo dài, căng thẳng trên Biển Đỏ, dải Gaza leo thang; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng suy giảm; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... đã tác động đến triển vọng kinh tế sự phục hồi và phát triển của các quốc gia, đặc biệt đối với các nước có nền kinh tế mở như Việt Nam. Trên địa bàn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2024 có ý nghĩa quan trọng trong chặng đường phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy mạnh tiến độ dự án trọng điểm, phát triển sản xuất, giải ngân vốn đầu tư công; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia... Quý I năm 2024, hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có nhiều khởi sắc tích cực về các hoạt động thương mại, dịch vụ; hoạt động nông, lâm, thủy sản duy trì ổn định, phát triển hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị và tiêu thụ sản phẩm; Hoạt động công nghiệp không đạt được như kỳ vọng do các doanh nghiệp bước vào kế hoạch 2024 các hợp đồng mới chưa triển khai, các nhà máy thủy điện hoạt động dưới công suất thiết kế do thiếu nước. Qua theo dõi và tổng hợp tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang tháng 3 và quý I năm 2024 Cục Thống kê tỉnh Hà Giang báo cáo kết quả đạt được trên một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

#### I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

##### 1. Sản xuất Nông - lâm nghiệp - thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I năm 2024 diễn ra trong điều kiện tương đối thuận lợi. Lĩnh vực trồng trọt, lịch thời vụ năm nay tuy có chậm hơn khoảng 20 ngày so với năm trước, nhưng ngay từ đầu vụ điều kiện thời tiết khá thuận lợi, không xuất hiện rét đậm, rét hại kéo dài trên diện rộng nên hầu hết các loại cây trồng trong vụ được gieo cấy tập trung, đảm bảo lịch thời vụ; lĩnh vực chăn nuôi dịch bệnh không xảy ra, nhân dân tập trung tái đàn sau Tết Nguyên đán nên đàn lợn đang trên đà hồi phục, đàn gia cầm phát triển ổn định. Sản xuất lâm nghiệp tiếp tục phát

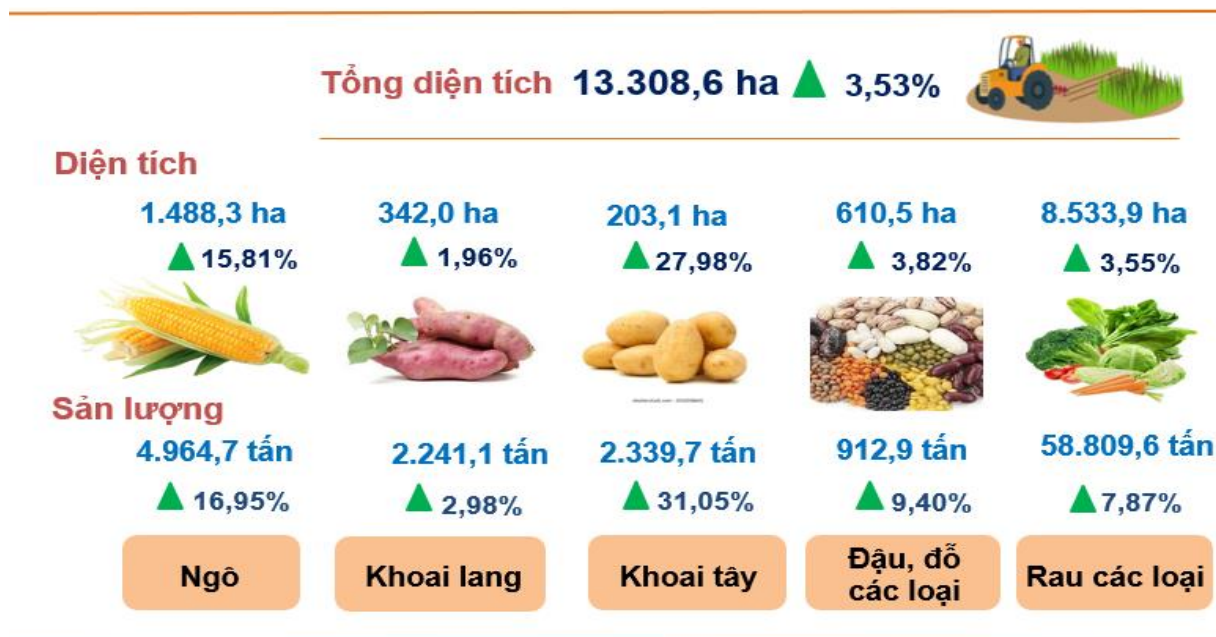
triển, thị trường xuất khẩu các mặt hàng gỗ và lâm sản được mở rộng; sản xuất thủy sản có khả quan hơn so với cùng kỳ năm trước, người dân đã chủ động hơn trong việc đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản.

## 1.1 Nông nghiệp

**a. Trồng trọt:** Sản xuất nông nghiệp quý I/2024 trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung cho việc thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông và đẩy nhanh tiến độ gieo trồng vụ Xuân 2024 đảm bảo kế hoạch thời vụ. Thời tiết từ đầu tháng 3 đến nay tương đối thuận lợi cho việc thu hoạch các loại cây trồng vụ Đông, thu hoạch cam cuối vụ và gieo cấy các loại cây trồng vụ Xuân.

\* *Kết quả sản xuất vụ Đông 2023-2024:* Xác định vụ Đông là để tăng vụ sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm tại chỗ và cung cấp thức ăn cho chăn nuôi. Các địa phương tập trung chỉ đạo, triển khai hiệu quả Đề án sản xuất cây vụ Đông của tỉnh và của địa phương. Cùng với việc áp dụng hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, quy trình chăm sóc nên năng suất và sản lượng các cây trồng hàng năm vụ Đông 2023-2024 đều tăng so với cùng vụ năm trước. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông 2023 - 2024 đạt 13.308,6 ha, tăng 3,53% so với cùng vụ năm trước bằng 453,7 ha, trong đó:

**Hình 1: Diện tích, sản lượng một số cây trồng vụ Đông năm 2023-2024 (so với cùng vụ năm trước)**



- *Cây ngô:* Diện tích đạt 1.488,3 ha, chiếm 11,18% tổng diện tích gieo trồng vụ Đông, so với cùng vụ năm trước về tổng diện tích tăng 203,2 ha<sup>1</sup>. Hiện nay nhân dân đã thu hoạch được 100% diện tích, năng suất ngô ước đạt 33,40 tạ/ha, tăng 0,33 tạ/ha; sản lượng thu hoạch ước đạt 4.964,7 tấn, tăng 16,95% bằng 719,7 tấn so với cùng vụ năm trước.

<sup>1</sup> Diện tích ngô tăng tại huyện Vị Xuyên 129,5 ha, Quang Bình tăng 74,6 ha, Bắc Quang tăng 26,2 ha...

- *Nhóm cây chất bột có củ*: Diện tích gieo trồng đạt 545,1 ha, chiếm 4,1% tổng diện tích, tăng 60,6 ha so với cùng vụ năm trước. Trong đó: Diện tích khoai lang đạt 342,0 ha, tăng 6,6 ha so với cùng vụ năm trước; năng suất bình quân chung đạt 65,50 tạ/ha tăng 0,66 tạ/ha so với cùng vụ năm trước; sản lượng đạt 2.241,1 tấn, tăng 64,9 tấn so với cùng vụ năm trước. Diện tích khoai tây 203,1<sup>2</sup> ha, tăng 44,4 ha so với cùng vụ năm trước; năng suất đạt 115,20 tạ/ha, tăng 2,7 tạ/ha; sản lượng đạt 2.339,7 tấn, tăng 554,3 tấn so với cùng vụ năm trước.

- *Nhóm cây rau, đậu, hoa, cây cảnh*: Diện tích đạt 9.163,3 ha, chiếm 68,85% tổng diện tích, so với cùng vụ năm trước tăng 3,70% bằng 326,7 ha. Trong đó diện tích rau các loại 8.533,9 ha, tăng 292,8 ha<sup>3</sup>; năng suất bình quân đạt 68,9 tạ/ha; sản lượng đạt 58.809,6 tấn, tăng 4.289,11 tấn so với cùng vụ năm trước. Diện tích đậu đỗ các loại 610,5 ha, tăng 22,5 ha; năng suất bình quân đạt 15,0 tạ/ha; sản lượng đạt 912,9 tấn, tăng 78,42 tấn so với cùng vụ năm trước. Nhóm cây rau, đậu, hoa các loại tăng do thực hiện chủ trương của Tỉnh tiếp tục mở rộng diện tích cây vụ Đông nhằm tạo sinh kế cho người dân. Các cơ quan chức năng từ tỉnh đến cơ sở tạo điều kiện để bà con nông dân đầu tư thâm canh, chú trọng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: cây rau đậu Hà Lan, dưa chuột, cà chua, rau cải các loại.... Hiện nay các loại cây này được nhân dân các huyện vùng thấp (thành phố Hà Giang, Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên) phát triển mạnh, đã hình thành các vùng sản xuất tập trung, tạo ra sản phẩm hàng hoá lớn, mang tính cạnh tranh cao.

*\*Triển khai sản xuất vụ Xuân năm 2024:*

- *Cây lúa*: Diện tích lúa vụ Xuân đã cấy được 9.250,0 ha đạt 100% kế hoạch giao, giảm 1,88% so với cùng vụ năm trước do một số diện tích tại huyện Bắc Quang bị thu hồi để làm đường. Vụ Xuân 2024 chủ yếu sử dụng các giống lúa Nhi ưu 838, Long Hương 8117, Kinh sở ưu 1588, Việt lai 20 thế hệ mới, HKT99, TH3-3, GS55, Lai thơm 6, Thái Xuyên 111, Phúc Thái 168, J02, ĐS1, TBR225, Thiên ưu 8, LTh31, HN6, PC6, QR15, KD18, Tẻ nương Hà Giang, giống địa phương. Hiện tại diện tích lúa Xuân gieo trồng sớm đã bén rễ, sinh trưởng và phát triển tốt, chưa phát hiện sâu bệnh hại.

- *Cây ngô*: Diện tích ngô đã trồng được 21.523,7 ha, tăng 4.184,4 ha so với cùng kỳ, hiện nay diện tích gieo trồng vụ Xuân đã hoàn thành, bà con tiếp tục trồng diện tích ngô mùa sớm tại các huyện vùng cao.

- *Các loại cây trồng khác*: Diện tích khoai lang đã trồng được 398,7 ha, tăng 1,25% so với cùng vụ năm trước. Cây đậu tương đã gieo trồng được 4.550 ha, tương đương cùng vụ năm trước và diện tích lạc đã trồng được 5.720,9 ha, tăng 5,87% so với cùng vụ năm trước. Cây lạc diện tích tăng cao do xã Đồng Yên,

<sup>2</sup> Diện tích khoai tây tăng cao tại huyện Vị Xuyên (+49,4 ha).

<sup>3</sup> Diện tích rau các loại huyện Vị Xuyên tăng 134,3 ha, Quán Bạ tăng 44,1 ha, Xin Mần tăng 42,5 ha...

huyện Bắc Quang chuyển đổi một phần diện tích lúa, ngô sang trồng lạc. Diện tích rau các loại đã trồng 5.481,3 ha, tăng 0,06% so với cùng vụ năm trước. Hiện nay một phần diện tích rau lấy lá ngắn ngày đã cho thu hoạch. Diện tích đậu các loại gieo trồng đạt 1.383,5 ha, đạt 100% kế hoạch, tương đương cùng vụ năm trước.

**Hình 2: Diện tích một số cây hàng năm tính đến 15/3/2024  
(so với cùng kỳ năm trước)**



\* *Cây lâu năm*: Cây lâu năm trên địa bàn tỉnh Hà Giang chủ yếu là cây ăn quả và cây chè. Một số loại cây hiện đang được mở rộng phát triển như cây thanh long 229,5 ha, tăng 19,28% so với cùng kỳ; cây bưởi 271,0 ha, tăng 7,37%; cây nhãn 223,6 ha, tăng 39,58%; cây vải 143,0 ha, tăng 54,09% so với cùng kỳ;... Tuy nhiên có một số loại cây diện tích đang có xu hướng giảm như: Cây cam diện tích hiện có 4.715,2 ha, giảm 20,57% so với cùng kỳ, diện tích giảm một phần do diện tích cây cam già cỗi, còn phần lớn do mắc bệnh vàng lá, khô đầu cành, thối rễ, người dân chưa chú trọng khâu chăm sóc, áp dụng chưa đúng quy trình kỹ thuật nên nhiều diện tích cam bị chết tại huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên<sup>4</sup>. Diện tích chè hiện có 19.777,5 ha, giảm 0,60% so với cùng kỳ<sup>5</sup>. Nguyên nhân diện tích chè tại một số địa phương giảm một phần do già cỗi bị chết, một phần do suy thoái cho năng suất thấp nên bà con chặt bỏ để trồng các loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn như cây quế, keo, giang để lấy lá... ; một phần diện tích bị mất do thu hồi phục vụ xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang.

Trong quý, các huyện Bắc Quang, Quang Bình tập trung thu hoạch, tỉa cành, bón phân và chăm sóc cây cam, quyết đồng thời chuẩn bị đất trồng mới chè và các

<sup>4</sup> Diện tích cam bị vàng lá, khô đầu cành, thối rễ không thể khắc phục được tại các huyện Bắc Quang 503.76 ha; Quang Bình 564,17 ha; Vị Xuyên 40, ha.

<sup>5</sup> Huyện Bắc Quang giảm 580,69 ha ; Vị Xuyên giảm 34,9 ha.

cây ăn quả khác. Tính đến giữa tháng 3 toàn tỉnh đã thu hoạch được 56.593 tấn cam giảm 14,0%; sản lượng thanh long thu hoạch ước đạt 420,9 tấn, tăng 34,39%; sản lượng bưởi thu hoạch ước đạt 374,1 tấn, tăng 21,17%; sản lượng chè thu hoạch ước đạt 14.200 tấn, tăng 0,06%; sản lượng cao su thu hoạch ước đạt 41,4 tấn, giảm 1,50% so với cùng kỳ năm trước.

### b. Chăn nuôi

Quý I/2024 tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi được kiểm soát tốt, hoạt động chăn nuôi ổn định và có bước phát triển. Trong dịp Tết Nguyên đán vừa qua các gia trại và các hộ chăn nuôi đã cung ứng các sản phẩm chăn nuôi đáp ứng được phần lớn nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong dịp Tết, tuy nhiên do lượng khách du lịch tăng cao đột biến trong kỳ nghỉ tết nên một phần sản lượng tiêu thụ phải nhập từ các địa phương khác. Sau Tết Nguyên đán các gia trại và hộ chăn nuôi nhỏ lẻ khẩn trương thực hiện việc tái đàn, phục hồi chăn nuôi. Tổng đàn gia súc, gia cầm tiếp tục phát triển theo xu hướng đàn trâu giảm do diện tích chăn thả ngày càng thu hẹp, giá thấp và lao động chăn thả giảm nên người dân không mặn mà với việc tái đàn. Chăn nuôi bò phát triển tốt do nhu cầu tiêu thụ lớn, đầu ra ổn định. Đàn lợn và đàn gia cầm tiếp tục tăng so với cùng kỳ, sản lượng xuất chuồng tăng khá cao do người dân quan tâm đầu tư hơn đến thức ăn chăn nuôi giúp rút ngắn chu kỳ sản xuất và tăng trọng lượng xuất chuồng.

**Hình 3: Số lượng và sản lượng đàn gia súc, gia cầm quý I năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



Ước tổng đàn gia súc trên địa bàn tỉnh có đến 31/3/2024: Đàn trâu 143.253 con, so với cùng kỳ năm trước giảm 1,08% bằng 1.558 con; đàn bò 122.560 con, so với cùng kỳ tăng 3,34% bằng 3.962 con; đàn lợn 540.504 con, tăng 3,81% so

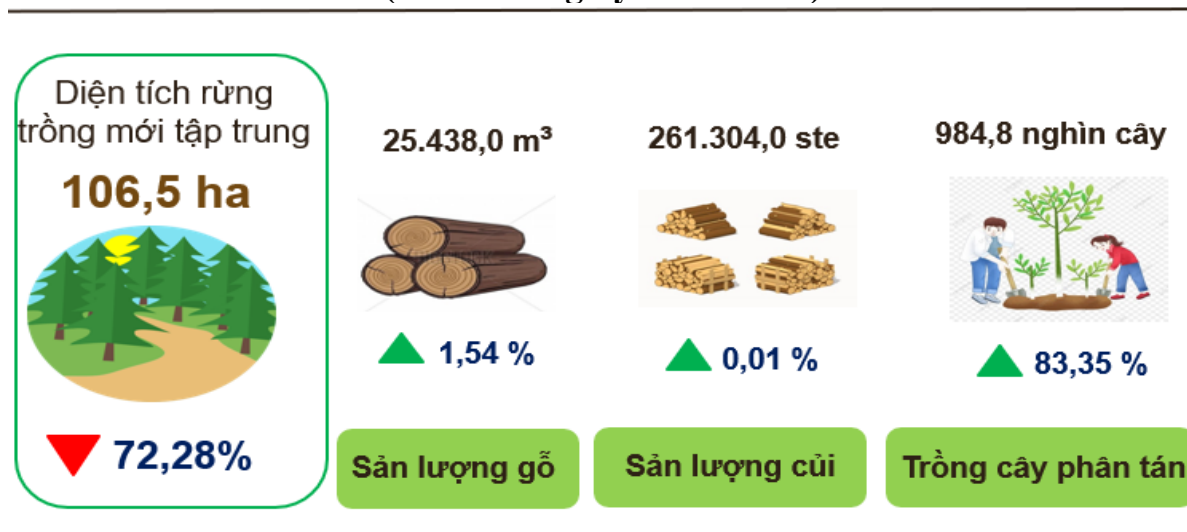
với cùng kỳ bằng 19.854 con; đàn gia cầm 5.996 nghìn con, tăng 3,44% so với cùng kỳ bằng 199,3 nghìn con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 20.994,6 tấn, tăng 6,50% so với cùng kỳ năm trước bằng 1.281,3 tấn; trong đó: Sản lượng thịt trâu xuất chuồng 1.652 tấn, giảm 2,0%, bằng 33,7 tấn; sản lượng thịt bò xuất chuồng 1.402,8 tấn, tăng 3,50% bằng 47,4 tấn; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng 14.043 tấn, tăng 7,40% bằng 967,6 tấn; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 3.896,7 tấn, tăng 8,34% bằng 300 tấn so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi được kiểm soát tốt, không có dịch bệnh lớn xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm tuy nhiên trong quý trên địa bàn tỉnh có xảy ra rét đậm, rét hại cục bộ ở một số địa phương khiến 56 con gia súc chết rét<sup>6</sup>. Công tác tiêm phòng tiếp tục được thực hiện tốt trong quý triển khai tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc được 257.193 lượt con (THT trâu bò 13.888 con, Lở mồm long móng 223.613 con, Tụ huyết trùng lợn 7.387con, Dịch tả lợn cổ điển 12.119 con, dại chó 186 con). Thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được 7.460 con (Trâu 74 con, bò 132 con, ngựa 02 con, lợn 6.492 con, gia cầm 310 con).

### 1.2. Lâm nghiệp

Quý I/2024 sản xuất lâm nghiệp tiếp tục triển khai trồng rừng tập trung và khai thác gỗ từ rừng trồng. Diện tích rừng trồng tập trung quý I/2024 đạt 106,5 ha, giảm 277,7 ha so với cùng kỳ do kế hoạch trồng rừng tập trung trong năm giảm. Trồng cây phân tán tiếp tục được các địa phương quan tâm thực hiện, số cây phân tán được trồng trong quý I/2024 đạt 984,8 nghìn cây các loại, tăng 447,7 nghìn cây so với cùng kỳ năm trước. Số cây phân tán trong quý tăng cao do thực hiện Tết trồng cây và các huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên trồng cây keo, quế, giang trên diện tích cam chè bị suy thoái có diện tích dưới 0,3 ha chưa đủ điều kiện tính vào diện tích trồng tập trung.

**Hình 4: Kết quả sản xuất lâm nghiệp quý I năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



<sup>6</sup> Huyện Hoàng Su Phì trâu 11 con; bò 01 con, dê 43 con; huyện Quang Bình 01 con trâu

Sản lượng gỗ khai thác tháng 3/2024 đạt 1.600,0 m<sup>3</sup>, tăng 52,6m<sup>3</sup> so với cùng kỳ; ước sản lượng gỗ khai thác quý I/2024 đạt 25.438,0 m<sup>3</sup>, tăng 385,6 m<sup>3</sup> so với quý cùng kỳ. Sản lượng củi khai thác tháng 3/2024 ước tính đạt 65.326 Ste, đạt tương đương so với cùng kỳ, ước quý I sản lượng củi khai thác đạt 261.304 ste, tăng 24 ste so với cùng kỳ.

Công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng được các cấp, các ngành tiếp tục duy trì thực hiện, đồng thời tăng cường công tác tuần tra, nhằm phát hiện để ngăn chặn, cũng như xử lý kịp thời tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn. Tính từ đầu năm đến ngày 15/3/2024, toàn tỉnh xảy ra 02 vụ cháy rừng với tổng diện tích bị cháy là 1,5 ha (cháy rừng tự nhiên 0,56 ha, cháy rừng trồng 0,96 ha), giảm 02 vụ cháy rừng so với cùng kỳ năm 2023. Lực lượng Kiểm lâm và các ngành chức năng phát hiện 32 vụ vi phạm pháp, giảm 18 vụ so với cùng kỳ năm 2023. Cơ quan chức năng đã tiến hành xử lý 23 vụ (xử lý hành chính 20 vụ, khởi tố hình sự 03 vụ); tịch thu 19,668 m<sup>3</sup> gỗ các loại, thu nộp ngân sách nhà nước 293,8 triệu đồng.

### **1.3. Thủy sản**

Quý I năm 2024, hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên địa bàn tỉnh ổn định, sản lượng có tăng so với quý cùng kỳ. Tổng sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tháng 3/2024 ước 321,8 tấn, tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản khai thác 19,7 tấn, giảm 0,06%; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước 302,1 tấn, tăng 3,45%. Lũy kế quý I/2024 tổng sản lượng thủy sản đạt 913,3 tấn, tăng 3,51%, trong đó: sản lượng khai thác 55,2 tấn, tăng 1,16%; sản lượng nuôi trồng 858,1 tấn, tăng 3,66%.

Nhìn chung sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản tháng 3 và quý I năm 2024 đều tăng so với cùng kỳ do nuôi trồng thủy sản trong những năm gần đây đem lại thu nhập khá, người dân mở rộng diện tích, đầu tư hơn về thức ăn, con giống và phòng trừ bệnh. Bên cạnh đó những giống thủy sản có giá trị kinh tế cao cũng được người dân đưa vào nuôi trồng như cá bống, cá lăng, cá quả... góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế từ nuôi trồng thủy sản.

### **2. Tài chính tín dụng**

Trong quý, NHNN đã ban hành chương trình hành động số 87/CTr-HAG ngày 18/01/2024 triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm ngành ngân hàng năm 2024 nhằm chỉ đạo các TCTD quyết liệt thực hiện nhiệm vụ ngay từ những ngày đầu năm, định hướng các TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tích cực triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, người dân được tiếp cận vốn tín dụng với các lãi suất ưu đãi thông qua các gói tín dụng như: Gói tín dụng xanh 10.000

tỷ đồng dành cho khách hàng cá nhân; gói tín dụng ngắn hạn cho vay sản xuất kinh doanh đối với khách hàng cá nhân 100.000 tỷ đồng; gói tín dụng trung dài hạn 100.000 tỷ đồng cho vay khách hàng cá nhân; gói tín dụng ngắn hạn dành cho khách hàng doanh nghiệp 270.000 tỷ đồng...

Các tổ chức tín dụng trên địa bàn chấp hành nghiêm túc các quy định và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các TCTD giảm trong khoảng từ 0,5 đến 1,2%/năm so với thời điểm cuối năm 2023. Lãi suất tiền gửi bình quân của các TCTD tháng 3/2024 ở mức 3,3%/năm; lãi suất cho vay bình quân của các TCTD tháng 3/2024 ở mức 6,8%/năm.

Tổng nguồn vốn hoạt động và quản lý của các TCTD trên địa bàn ước đến 31/3/2024 là 32.070 tỷ đồng. Trong đó, nguồn huy động tại địa phương ước đạt 19.500 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 206 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1,1%; so với 31/12/2023 giảm 19 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 0,1%; so với cùng kỳ năm trước tăng 2.699 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 16,1%. Doanh số huy động được trong quý I/2024 ước thực hiện 73.661 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 25.975 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 54,5%. Doanh số chi trả cho khách hàng ước thực hiện trong quý I/2024 là 73.678 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 26.357 tỷ đồng; tỷ lệ tăng 55,7%.

Tổng dư nợ tín dụng ước đến 31/3/2024 là 29.125 tỷ đồng; so với tháng trước tăng 300 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 1%; so với 31/12/2023 giảm 403 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 1,4%; so với cùng kỳ năm trước tăng 1.524 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 5,5%. Doanh số cho vay trong quý I/2024 ước thực hiện 7.854 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 484 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 6,6%; Doanh số thu nợ trong quý ước thực hiện 8.257 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước tăng 222 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 2,8%.

Nợ xấu toàn địa bàn ước đến 31/3/2024 là 234,8 tỷ đồng, chiếm 0,81%/tổng dư nợ; so với tháng trước tăng 8 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 3,4%; so với 31/12/2023 tăng 14 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 6,1%; so với cùng kỳ năm trước tăng 85 tỷ đồng, tỷ lệ tăng 57%. Nợ xấu của các tổ chức tín dụng duy trì mức thấp dưới 1%.

### **3. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách nhà nước quý I/2024 ước đạt 7.196,3 tỷ đồng, tăng 11,24% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 625 tỷ đồng, bằng 25,4% kế hoạch và tăng 64,6% và thu bổ sung từ ngân sách trung ương là 4.019 tỷ đồng, bằng 24,3% kế hoạch và tăng 0,3% so với cùng kỳ. Trong thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gồm một số khoản thu như: thu nội địa 598 tỷ đồng, bằng 26,1% dự toán và tăng 81,6%; thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 26,8 tỷ đồng, bằng 19,7% dự toán và giảm 46,6% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương quý I/2024 ước đạt 5.037,0 tỷ đồng, bằng 23,6% dự toán địa phương và tăng 14,23% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: chi đầu tư phát triển 791,0 tỷ đồng, giảm 11,6%; chi thường xuyên 2.651 tỷ đồng, tăng 6,52%, chi dự phòng ngân sách 12,7 tỷ đồng, giảm 7,11%, chi chuyển nguồn 1.557,3 tỷ đồng, tăng 14,82% so với cùng kỳ.



#### **4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp - Hợp tác xã**

Tính từ 01/01/2024 đến ngày 18/03/2024 có 246 lượt đăng ký và thay đổi doanh nghiệp, gồm: 55 doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc đăng ký thành lập mới, với số vốn đăng ký 400,1 tỷ đồng (11 Công ty cổ phần, 08 Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 20 công ty TNHH 1TV và 16 đơn vị trực thuộc); 88 DN và đơn vị trực thuộc đăng ký thay đổi; 96 DN và đơn vị trực thuộc tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; 07 DN và đơn vị trực thuộc giải thể. Lũy kế toàn tỉnh có 3.982<sup>7</sup> doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc (583 Công ty cổ phần, 1.379 Công ty TNHH 1 thành viên, 712 Công ty TNHH 2 thành viên, 86 doanh nghiệp tư nhân, 1.222 đơn vị trực thuộc), với tổng vốn đăng ký 37.363,64 tỷ đồng. Trong đó có 2.846 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đang hoạt động đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho lao động tại địa phương.

Đối với kinh tế hợp tác xã trong quý I/2024 thành lập mới 02 hợp tác xã, lũy kế đến 18/03/2024 toàn tỉnh có 874 hợp tác xã (HTX), trong đó có 700 HTX đang hoạt động (chiếm 80%); 174 HTX ngừng hoạt động (chiếm 20%).

#### **5. Sản xuất công nghiệp**

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh 3 tháng đầu năm 2024 có những thuận lợi và khó khăn đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn đặc biệt trong công nghiệp sản xuất điện, ngành công nghiệp có tỷ trọng và quy mô đóng vai trò chi phối đối với toàn ngành công nghiệp địa phương sản xuất trong quý I/2024 giảm nhẹ so với cùng kỳ, do lưu lượng nước về lòng hồ giảm mạnh, các nhà máy thủy điện cắt giảm công suất nên sản lượng điện sản xuất giảm. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp mới bước vào kế hoạch sản xuất năm 2024, các hợp đồng mới chưa triển khai, cùng với một số lĩnh vực sản xuất do thị trường tiêu thụ tiếp tục bị thu hẹp, các doanh nghiệp có tổ chức sản xuất nhưng hoạt động cầm chừng, chủ yếu tập trung cho tiêu thụ hàng tồn kho... đã ảnh hưởng tới kết quả thực hiện của toàn ngành công nghiệp trong quý.

##### **5.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 3/2024 tăng 8,92% so với tháng trước, giảm 26,04% so với tháng cùng kỳ, chỉ số cộng dồn 3 tháng đầu năm 2024 giảm 11,84% so với cùng kỳ. Chỉ số sản xuất công nghiệp chia theo ngành công nghiệp cấp I trên địa bàn tỉnh như sau:

- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp khai khoáng so với tháng trước tăng 464,23%; so với tháng cùng kỳ giảm 83,37%. Chỉ số cộng dồn 3 tháng đầu năm 2024 giảm 79,41% so với cùng kỳ (nguyên nhân chủ yếu làm chỉ số giảm mạnh so

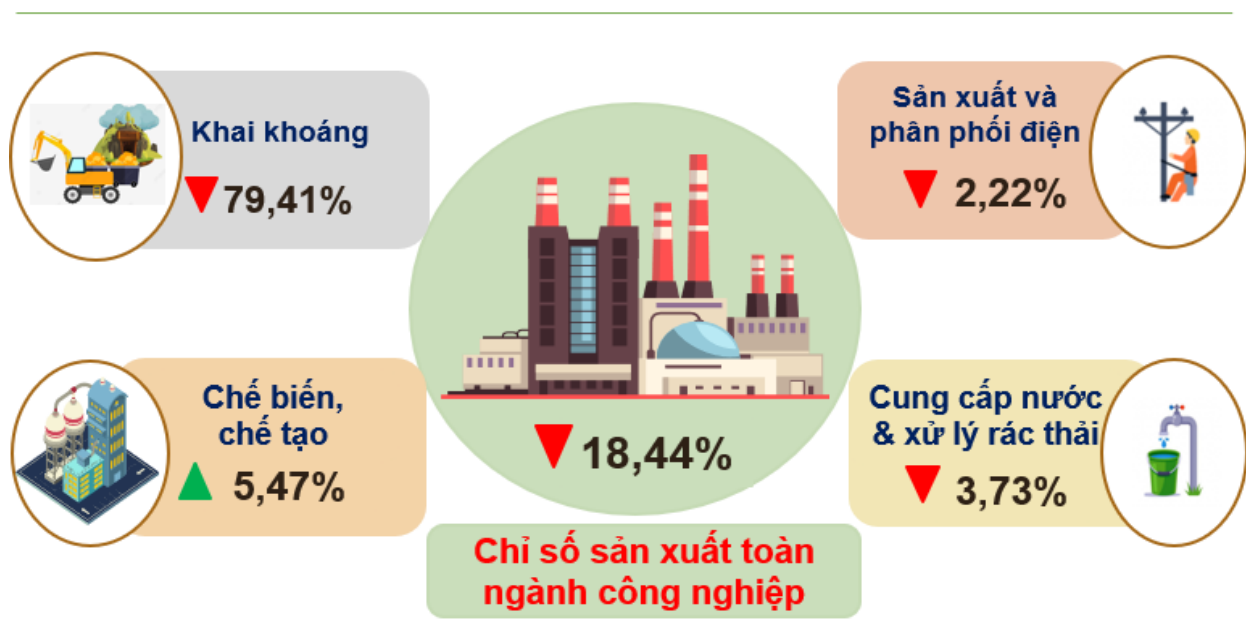
---

<sup>7</sup> Bao gồm cả doanh nghiệp hoạt động và tạm ngừng hoạt động.

với cùng kỳ do thị trường tiêu thụ chưa ổn định nên Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông có kế hoạch sản xuất thấp).

- Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến chế tạo so với tháng trước tăng 18,58%; so với tháng cùng kỳ giảm 18,09%. Chỉ số cộng dồn 3 tháng đầu năm 2024 tăng 5,47% so với cùng kỳ.

**Hình 5: Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I năm 2024  
(so với cùng kỳ năm trước)**



- Chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt so với tháng trước giảm 1,84%; so với tháng cùng kỳ giảm 7,97%. Chỉ số cộng dồn 3 tháng đầu năm 2024 giảm 2,22% (nguyên nhân chỉ số giảm nhẹ do mưa ít, lưu lượng nước về lòng hồ thấp, các nhà máy hoạt động không hết công suất, một số nhà máy nhân cơ hội này dừng hoạt động để bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của các tổ máy<sup>8</sup>).

- Chỉ số sản xuất ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải so với tháng trước tăng 1,79%; so với tháng cùng kỳ tăng 1,25%. Chỉ số cộng dồn 3 tháng đầu năm 2024 giảm 3,73% so với cùng kỳ.

## 5.2. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 3/2024 (theo giá so sánh) ước 259,5 tỷ đồng, so với tháng trước tăng 14,68% bằng 33,2 tỷ đồng, so với tháng cùng kỳ giảm 17,88% bằng 56,5 tỷ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh quý I năm 2024 ước đạt 826,2 tỷ đồng, giảm 4,39% so với cùng kỳ (-37,9 tỷ đồng).

Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế thực hiện tháng 3/2024 ước đạt 473,9 tỷ đồng, tăng 15,77% so với tháng trước và giảm 17,73% so với cùng kỳ.

<sup>8</sup> Thủy điện Thái An dừng hoạt động 20 ngày để khắc phục sự cố; thủy điện Nho quế 1, thủy điện Nho quế 2, thủy điện Nho quế 3 bảo trì, bảo dưỡng máy móc của các tổ máy.

Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế quý I năm 2024 ước đạt 1.529,8 tỷ đồng, giảm 3,98% so với cùng kỳ.

### **5.3. Kết quả thực hiện đối với sản phẩm công nghiệp chủ yếu**

- Quặng sắt: Sản phẩm tinh quặng sắt dự kiến tháng 3/2024 ước đạt 10.034 tấn; tăng 10.034 tấn so với tháng trước; so với tháng cùng kỳ giảm 84,54% bằng 54.856 tấn; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 sản lượng khai thác ước đạt 10.034 tấn, so với cùng kỳ giảm 92,47% bằng 123.276 tấn<sup>9</sup>.

- Ván ép: Sản lượng sản xuất tháng 3/2024 ước đạt 4.000 m<sup>3</sup>, so với tháng trước tăng 95,79% bằng 1.957 m<sup>3</sup>; so với tháng cùng kỳ tăng 10,86% bằng 392 m<sup>3</sup>; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 12.234 m<sup>3</sup>, so với cùng kỳ năm trước tăng 64,06%<sup>10</sup> bằng 4.777 m<sup>3</sup>.

- Bột giấy: Sản lượng sản xuất tháng 3/2024 ước đạt 118 tấn, so với tháng trước tăng 37,5% bằng 32 tấn; so với tháng cùng kỳ giảm 64,74% bằng 216 tấn; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 sản lượng sản xuất ước đạt 375 tấn, so với cùng kỳ giảm 59,89% bằng 560 tấn<sup>11</sup>.

- Điện sản xuất tháng 3/2024 ước đạt 103 triệu Kwh, so với tháng trước giảm 2,36% bằng 2,5 triệu Kwh; so với tháng cùng kỳ giảm 7,4% bằng 8,3 triệu Kwh; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 sản lượng điện sản xuất ước đạt 321 triệu Kwh, so với cùng giảm 1,52% bằng 5,0 triệu Kwh.

- Điện thương phẩm tháng 3/2024 ước đạt 40 triệu Kwh, so với tháng trước tăng 4,04% bằng 1,6 triệu Kwh; so với tháng cùng kỳ giảm 13,71% bằng 6,3 triệu Kwh; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 sản lượng điện thương phẩm ước đạt 121 triệu Kwh, so với cùng kỳ giảm 9,25% bằng 12,4 triệu Kwh<sup>12</sup>.

- Nước máy sản xuất tháng 3/2024 ước đạt 297 nghìn m<sup>3</sup>, so với tháng trước tăng 1,70% bằng 5,0 nghìn m<sup>3</sup>; so với tháng cùng kỳ tăng 2,8% bằng 8,1 nghìn m<sup>3</sup>; cộng dồn đến hết tháng 3/2024 nước máy sản xuất ước đạt 885 nghìn m<sup>3</sup>, so với cùng kỳ giảm 4,71%<sup>13</sup> bằng 43,7 nghìn m<sup>3</sup>.

### **5.4. Chỉ số sử dụng lao động**

Ước lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến thời điểm 31/3/2024 giảm 2,14% so với tháng trước; so với cùng thời điểm năm trước giảm 1,81%; trong đó: Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp

---

<sup>9</sup> Hiện nay Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản An Thông đã có kế hoạch hoạt động sản xuất trở lại tuy nhiên sản lượng quặng sắt dự kiến chưa nhiều do thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

<sup>10</sup> Sản lượng ván ép cộng dồn hết tháng 3/2024 dự kiến tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thái Hoàng nhận được nhiều đơn đặt hàng.

<sup>11</sup> Sản lượng bột giấy sản xuất trong tháng dự kiến giảm so với cùng kỳ năm trước do hiện nay Công ty cổ phần Hải Hà đơn đặt hàng ít, tiêu thụ chậm, hàng tồn nhiều.

<sup>12</sup> Sản lượng điện thương phẩm dự kiến giảm so với cùng kỳ chủ yếu do nhu cầu tiêu thụ điện thấp, một số cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản tạm ngừng do chưa có kế hoạch sản xuất phần nào ảnh hưởng đến sản lượng điện thương phẩm.

<sup>13</sup> Sản lượng nước quý I năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm trước do Công ty cổ phần cấp thoát nước Hà Giang đã giảm được tỷ lệ thất thoát nước do đường ống dẫn nước đã được sửa chữa lại sau quá trình chỉnh trang đô thị

nhà nước ổn định so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm 1,28%. Lao động đang làm việc trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 4,07% so với tháng trước và giảm 10,48% so với cùng kỳ. Số lao động đang làm việc trong doanh nghiệp so với tháng trước có lao động ngành cung cấp nước giữ ổn định; lao động ngành khai khoáng tăng 0,44%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 6,44%; lao động ngành sản xuất, phân phối điện tăng 0,75%. So với thời điểm 31/3/2023 lao động đang làm việc ở doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 18,47%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 2,59%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 0,75%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 1,78%.

### **5.5. Chỉ số tiêu thụ, tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước đến thời điểm 31/3/2024 tăng 87,29% so với tháng trước và tăng 12,48% so với tháng cùng kỳ. Tính chung quý I năm 2024, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 38,59% so với năm 2023, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng mạnh như: Ngành sản xuất sản phẩm trang phục tăng 72,41%; ngành chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa,... tăng 68,28%; ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 34,13%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/3/2024 giảm 7,52% so với tháng trước và tăng 2,04% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó ngành có chỉ số tồn kho tăng mạnh hơn mức tăng chung như: sản xuất giấy và sản phẩm giấy tăng 64,05%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 54,57%; ...

### **5.6. Xu hướng SXKD của DN ngành công nghiệp chế biến, chế tạo**

Tổng hợp kết quả phiếu điều tra xu hướng của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến chế tạo cho thấy có 50% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2024 so với quý IV/2023 khó khăn hơn, trong khi có 50% số doanh nghiệp tốt lên và giữ ổn định (17,86% doanh nghiệp đánh giá tốt lên; 32,14% doanh nghiệp đánh giá giữ ổn định). Dự báo quý II/2024 xu hướng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh lạc quan hơn so với quý I/2024 khi có 78,57% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tốt lên và giữ nguyên (46,43% doanh nghiệp dự báo tốt lên; 32,14% giữ nguyên), chỉ có 21,43% doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn hơn. Đánh giá cụ thể theo các yếu tố sau:

*Một là*, về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Tính cạnh tranh của hàng trong nước cao là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khi có tới 60,71% doanh nghiệp cho rằng yếu tố này ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; có

60,71% doanh nghiệp cho rằng nhu cầu thị trường trong nước thấp; có 42,86% doanh nghiệp cho rằng khó khăn về tài chính tác động đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; có 32,14% doanh nghiệp cho rằng thiếu nguyên, nhiên, vật liệu ảnh hưởng đến khả năng phát triển sản xuất kinh doanh; có 28,57% doanh nghiệp cho rằng thiết bị công nghệ lạc hậu và lãi suất vay vốn cao ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh; 21,43% doanh nghiệp cho rằng không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu; 14,29% cho rằng nhu cầu thị trường quốc tế thấp, và tính cạnh tranh của hàng nhập khẩu cao; ....

*Hai là*, về khối lượng sản xuất: Chỉ số cân bằng thể hiện số phần trăm doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng trừ đi số phần trăm doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất giảm ở quý I/2024 so với quý IV/2023 là -39,29% (17,86% doanh nghiệp dự báo tăng; 57,14% doanh nghiệp dự báo giảm). Chỉ số cân bằng có xu hướng tăng ở quý II/2024 so với quý I/2024 với 25% (46,43% doanh nghiệp dự báo tăng, trong khi đó có 21,43% doanh nghiệp dự báo giảm);

*Ba là*, về đơn đặt hàng: Tỷ lệ doanh nghiệp dự báo đơn hàng mới quý I/2024 so với quý IV/2023 với chỉ số cân bằng là -54,55% (13,64 % doanh nghiệp dự báo tăng; 68,18% doanh nghiệp dự báo giảm). Chỉ số cân bằng tăng khá ở quý II/2024 so với quý I/2024 với tỷ lệ là 25% (45% doanh nghiệp dự báo tăng đơn hàng; 20% doanh nghiệp dự báo giảm).

## **6. Vốn đầu tư - Xây dựng cơ bản**

### **6.1. Vốn đầu tư**

**Kết quả thực hiện vốn đầu tư:** Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước quý I/2024 đạt 2.466,1 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước giảm 11,43%, bằng 318,4 tỷ đồng, trong đó: Vốn nhà nước đạt 1.070,5 tỷ đồng, giảm 22,56% (-311,8 tỷ đồng); Vốn ngoài nhà nước 1.395,7 tỷ đồng, tăng 1,20% (+16,1 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quý không phát sinh. Kết quả thực hiện phân theo từng khu vực như sau:

- Khu vực Nhà nước: Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn tỉnh ước quý I/2024 giảm do kế hoạch vốn đầu tư từ NSNN giao năm 2024 giảm mạnh so với năm 2023; những công trình, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư thuộc các chương trình MTQG, vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài đang được triển khai thực hiện, tuy nhiên tiến độ thực hiện vốn trong quý I chậm vì trùng vào dịp nghỉ Tết, số dự án được thực hiện trong quý ít, chủ yếu là dự án chuyển tiếp từ năm trước sang, có tổng mức đầu tư nhỏ, dự án khởi công mới gần như chưa có, do đó đã tác động làm giảm vốn đầu tư thực hiện trong khu vực này.

- Khu vực ngoài Nhà nước: Tổng vốn đầu tư phát triển thực hiện trên địa bàn tỉnh ước quý I tăng 1,2% so với cùng kỳ chủ yếu tăng ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước (+73,9%), các công trình dự án do các doanh nghiệp ngoài nhà

nước làm chủ đầu tư đang được triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo cam kết tiếp tục tập trung ở các công trình chuyên tiếp thuộc lĩnh vực thủy điện và xây dựng trung tâm thương mại, khách sạn và nhà ở liền kề nên giá trị vốn ở khu vực này tăng cao so với cùng kỳ. Tuy nhiên kết quả giá trị vốn thực hiện ở khu vực hộ dân cư có những khó khăn do các chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, hộ đặc biệt khó khăn và người có công đã kết thúc; việc giao thương về kinh tế, tìm kiếm việc làm mới đối với dân cư vùng giáp biên bị hạn chế nên thu nhập của dân cư giảm, cùng với nguồn lực tích lũy trong dân bị suy giảm sau 03 năm dịch bệnh đã tác động đến việc đầu tư ở trong dân (-14,90%) so với quý cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư thực hiện từ các dự án lớn thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước ước quý I/2024 đạt 701,8 tỷ đồng, chiếm 74,06% trong tổng vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn NSNN địa phương quản lý. Một số dự án có tổng mức đầu tư lớn, kết quả thực hiện vốn trong kỳ đạt khá như: Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (GD I) đoạn qua tỉnh Hà Giang (273,2 tỷ đồng); Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh) - Tiểu dự án tại Hà Giang (42,3 tỷ đồng); Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178) GD I từ Km0-Km27 và xây dựng cầu Bản Ngò tại Km60+600 (35,0 tỷ đồng); Cải tạo, nâng cấp (ĐT.183) đoạn Km17 - Km50+200 và đường Phó Cáo - Đồng Yên đến giáp địa ranh huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (17,9 tỷ đồng); Hệ thống cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước trung tâm xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển NLN, tận thu CNSH hợp vệ sinh môi trường xã Phong Quang, Vị Xuyên và TP Hà Giang (12,0 tỷ đồng); Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB) tỉnh Hà Giang (11,4 tỷ đồng);...

**Tình hình giải ngân vốn đầu tư công:** Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang tính đến ngày 16/03/2024, tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công chung toàn tỉnh đạt 12,50% so với kế hoạch, cụ thể: Nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2024 giải ngân đạt 12,3% kế hoạch trung ương giao và đạt 12,6% kế hoạch địa phương giao; nguồn vốn đầu tư trong cân đối đạt 18,7% kế hoạch trung ương giao và 19,0% kế hoạch địa phương giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương đạt 8,6% kế hoạch trung ương và địa phương giao; Chương trình mục tiêu quốc gia đạt 10,0% kế hoạch trung ương và địa phương. Lũy kế thanh toán vốn đầu tư công từ đầu năm đến hết 31/3/2024 toàn tỉnh ước đạt 751,5 tỷ đồng, bằng 16,3% so với kế hoạch địa phương giao và đạt 17,2% kế hoạch Trung ương giao.

### **3.2. Xây dựng cơ bản**

Việc giải ngân vốn đầu tư công được Tỉnh quan tâm chỉ đạo ngay từ đầu năm, ưu tiên bố trí đủ kinh phí cho các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng vốn từ NSNN. Trong đó, đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát; nghiêm

túc chấp hành các quy định trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, đấu thầu, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư; cam kết triển khai, thực hiện các dự án đúng tiến độ, đúng mục đích, chất lượng và đảm bảo hiệu quả nguồn vốn, đã tác động tích cực tới hoạt động sản xuất kinh doanh ngành xây dựng. Giá trị sản xuất xây dựng ước quý I năm 2024 tập trung chủ yếu ở các dự án, công trình trọng điểm chuyên tiếp từ năm trước sang, thuộc các lĩnh vực giao thông, xây dựng thủy điện, xây dựng trung tâm thương mại, thủy nông, thủy lợi, trụ sở làm việc, xây dựng các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, hồ chứa nước sinh hoạt, kè chống sạt lở và nhà ở của hộ dân cư. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh ngành xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh quý I năm 2024 như sau:

- Giá trị sản xuất xây dựng (giá so sánh) quý I năm 2024 ước đạt 1.207,1 tỷ đồng, tăng 20,48% so với cùng kỳ bằng 205,2 tỷ đồng; trong đó: Công trình nhà ở tăng 0,04%; Công trình nhà không ở giảm 8,60%; Công trình kỹ thuật dân dụng tăng 64,0%; Hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 12,70% so với cùng kỳ.

- Giá trị sản xuất xây dựng (giá hiện hành) quý I năm 2024 ước đạt 1.926,7 tỷ đồng, tăng 20,6% so với quý cùng kỳ bằng 329,7 tỷ đồng, trong đó: Khu vực doanh nghiệp ước đạt 1.192,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 61,90% trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, tăng 37,70% so với quý cùng kỳ; Khu vực xã, phường, thị trấn, hộ dân cư ước đạt 734,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 38,10% trong tổng giá trị sản xuất ngành xây dựng, tăng 0,5% so với quý cùng kỳ.

Giá trị sản xuất xây dựng trong quý I/2024 đạt khá trong khu vực doanh nghiệp do các công trình, dự án trọng điểm có nguồn đầu tư vốn lớn, nhất là các dự án giao thông có tính kết nối, lan tỏa tới phát triển vùng, liên vùng và địa phương được đẩy nhanh tiến độ thi công; các Chương trình phục hồi kinh tế - xã hội; các Chương trình MTQG được triển khai quyết liệt; cùng với công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cải cách hành chính được quyết tâm triển khai thực hiện, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên đã tác động tích cực đến hoạt động xây dựng.

## **7. Các hoạt động dịch vụ**

### **7.1. Vận tải**

Quý I/2024, hoạt động vận tải đạt kết quả khá tích cực, đây là quý diễn ra Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội du xuân, nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ tiêu dùng của nhân dân và các công trình xây dựng tăng cao cùng với lượng khách đến tham quan, du lịch tăng đã tác động mạnh đến hoạt động vận tải trong quý so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 3/2024 ước đạt 78,9 tỷ đồng, giảm 0,51% so với tháng trước<sup>14</sup> và tăng 20,50% so với cùng kỳ. Trong đó: Doanh thu vận tải hành khách ước 29,5 tỷ đồng, tăng 1,90% so với tháng trước và tăng 17,46% so với cùng

<sup>14</sup> Tháng 2/2024 là tháng trước, trong và sau Tết nên người dân đi lại nhiều hơn.

kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa 48,2 tỷ đồng, giảm 2,05% so với tháng trước và tăng 22,50% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải 1,0 tỷ đồng, tăng 6,93% so với tháng trước và tăng 23,50% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát 0,3 tỷ đồng, giảm 6,20% so với tháng trước, tăng 3,73% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận tải và dịch vụ kho bãi quý I năm 2024 ước đạt 238,4 tỷ đồng, tăng 21,17% so với quý I/2023. Trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước đạt 85,8 tỷ đồng, tăng 19,3%; doanh thu vận tải hàng hóa ước 148,4 tỷ đồng, tăng 22,54%; doanh thu hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 3,4 tỷ đồng, tăng 11,57%; doanh thu hoạt động bưu chính, chuyển phát ước đạt 0,8 tỷ đồng, tăng 19,29% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 6: Khối lượng hành khách, hàng hóa luân chuyển và vận chuyển quý I năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



### 7.1.1. Vận tải hành khách

Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 3/2024 ước đạt 338,5 nghìn người, tăng 1,45% so với tháng trước và tăng 16,50% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 41.231,2 nghìn người/km, tăng 2,09% so với tháng trước và tăng 15,39% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hành khách vận chuyển quý I/2024 ước đạt 982,5 nghìn người, tăng 19,70% so với cùng kỳ; khối lượng hành khách luân chuyển ước đạt 120.071,9 nghìn người/km, tăng 21,01% so với cùng kỳ năm trước.

### 7.1.2. Vận tải hàng hoá

Khối lượng hàng hoá vận chuyển tháng 3/2024 ước đạt 320,4 nghìn tấn, giảm 0,36% so với tháng trước và tăng 22,31% so với tháng cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 13.850,8 nghìn tấn/km, giảm 0,92% so với tháng trước và tăng 22,01% so với tháng cùng kỳ.



Khối lượng hàng hoá vận chuyển quý I/2024 ước đạt 998,7 nghìn tấn, tăng 28,86% so với cùng kỳ; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 42.846,7 nghìn tấn/km, tăng 23,10% so với cùng kỳ.

## 7.2. Thương mại- Giá cả

### 7.2.1. Thương mại

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong quý I/2024 diễn ra sôi động, lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường dồi dào, đa dạng, nguồn cung hàng hóa đảm bảo, giá cả biến động không nhiều đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Hoạt động du lịch khởi sắc và phát triển mạnh, lượng khách du lịch trong và ngoài nước đến Hà Giang tham quan, văn cảnh tăng cao đặc biệt trong kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và mùa lễ hội, du xuân đầu năm đã tác động tích cực tới hoạt động thương mại, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và các dịch vụ hỗ trợ du lịch, dịch vụ khác trên địa bàn.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước thực hiện tháng 3/2024 ước đạt 1.524,2 tỷ đồng, tăng 1,35% so với tháng trước và tăng 18,23% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 1.182,9 tỷ đồng chiếm 77,61% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 1,16% so với tháng trước và tăng 17,0% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống, lữ hành ước đạt 262,4 tỷ đồng, tăng 1,69% so với tháng trước và tăng 25,82% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 78,9 tỷ đồng, tăng 3,05% so với tháng trước và tăng 13,23% so với tháng cùng kỳ.

**Hình 7: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I năm 2024 ( so với cùng kỳ năm trước)**



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý I năm 2024 ước đạt 4.683,1 tỷ đồng, tăng 19,64% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I năm 2024 ước đạt 3.661,4 tỷ đồng tăng 18,92% so với cùng kỳ. Một số nhóm ngành hàng có doanh thu bán lẻ tăng cao so với cùng kỳ như: Nhóm gỗ và vật liệu xây dựng ước đạt 637,1 tỷ đồng, tăng 20,30%; nhóm phương tiện ước đạt 116,6 tỷ đồng, tăng 60,20%; nhóm hàng hóa khác 119,5 tỷ đồng, tăng 23,50%; nhóm đá quý, kim loại ước 11,2 tỷ đồng, tăng 100,40%; nhóm nhiên liệu khác 119,4 tỷ đồng, tăng 23,50%;...

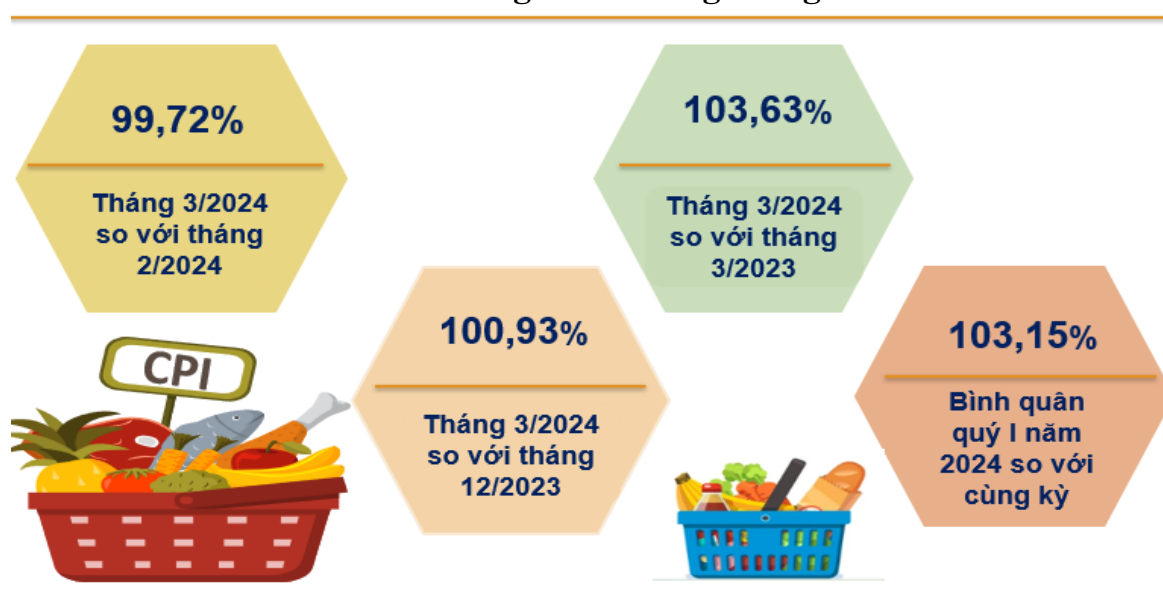
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch quý I năm 2024 ước đạt 779,7 tỷ đồng, tăng 22,67% so với cùng kỳ<sup>15</sup>. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước 79,5 tỷ đồng, tăng 30,45%; doanh thu dịch vụ ăn uống ước 692,4 tỷ đồng, tăng 21,62%; doanh thu dịch vụ lữ hành ước 7,7 tỷ đồng, tăng 45,77% so với cùng kỳ.

- Doanh thu dịch vụ khác quý I năm 2024 ước đạt 242,1 tỷ đồng, tăng 21,0% so với cùng kỳ. Một số nhóm dịch vụ có tốc độ tăng cao như: dịch vụ kinh doanh bất động sản tăng 82,10%; dịch vụ hành chính hỗ trợ tăng 52,0%; dịch vụ khác tăng 32,50%; dịch vụ sửa chữa máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình tăng 19,10%;...

#### 7.2.2. Giá cả hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 năm 2024 giảm 0,28% so với tháng trước; tăng 0,93% so với tháng 12 năm trước; tăng 3,63% so với tháng cùng kỳ; tăng 11,79% so với kỳ gốc 2019. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I năm 2024 tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 8: Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 năm 2024**



<sup>15</sup> Năm 2023, lượng khách du lịch đến Hà Giang tăng từ tháng 02. Tuy nhiên năm 2024, lượng khách du lịch đến với Hà Giang tăng cao ngay từ đầu năm. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch quý I năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2024 nhìn chung giảm nhẹ so với tháng trước, có 05 nhóm hàng hóa có chỉ số tăng, 05 nhóm có chỉ số giảm và 01 nhóm có chỉ số tương đương so với chỉ số chung, cụ thể như sau: May mặc mũ nón và giày dép tăng 0,22%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,04%; giáo dục tăng 0,05%; giao thông tăng 0,06%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,30%. Các nhóm hàng hóa có chỉ số giảm là hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,71%; đồ uống và thuốc lá giảm 0,01%; nhà ở, điện nước chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,09%; bưu chính viễn thông giảm 0,37%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 0,66%.

Chỉ số giá bình quân quý I năm 2024 tăng 3,15% so với cùng kỳ năm trước, trong đó 6/11 nhóm hàng có chỉ số tăng: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,51%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,51%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 18,78%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 8,78%; giáo dục tăng 2,25%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,38%. Có 5/11 nhóm hàng chỉ số giá giảm so với cùng kỳ như: đồ uống, thuốc lá giảm 1,11%; thiết bị, đồ dùng gia đình giảm 0,80%; giao thông giảm 1,23%; bưu chính viễn thông giảm 2,40%; văn hóa giải trí và du lịch giảm 1,63%.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 4,99%; so với tháng 12 năm trước tăng 11,91%; so với cùng kỳ tăng 24,82%; so với kỳ gốc 2019 tăng 75,46%; bình quân quý I năm 2024 tăng 21,21%.

Chỉ số giá đô la Mỹ so với tháng trước tăng 0,99%; so với tháng 12 năm trước tăng 1,81%; so với cùng kỳ tăng 4,88% và so với kỳ gốc 2019 tăng 6,89%; bình quân quý I năm 2024 tăng 4,23%.

### **7.3. Xuất, nhập khẩu hàng hóa**

Ngành chức năng tiếp tục chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa Hải quan; tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại trong thực hiện thủ tục hải quan, góp phần giảm thời gian thông quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh trong quý I/2024 ước đạt 38,4 triệu USD, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Xuất khẩu kinh doanh đạt: 29,1 triệu USD tăng 27,6% so với cùng kỳ năm 2023 (22,8 triệu USD). Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Antimon kim loại, tinh bột sắn, sắn thái lát, ván bóc, quả tươi (Thanh long, mít, xoài, chuối, măng cụt,...).

- Nhập khẩu kinh doanh đạt: 4,3 triệu USD giảm 69% so với cùng kỳ năm 2023 (13,9 triệu USD). Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Thiết bị thủy điện; ô tô bơm bê tông; Máy móc dùng cho sản xuất nông nghiệp; Quặng mangan chứa sắt; than cốc, hoa tươi; hàng hóa khác...

- Loại hình khác (chuyển cửa khẩu, xuất kho ngoại quan, xuất trả hàng đã nhập khẩu...) đạt: 5,1 triệu USD tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2023 (4,2 triệu USD). Mặt hàng chủ yếu: Quả Ót khô đã bỏ cuống; Hạt lạc nhân; hạt đậu xanh, đậu đỏ; củ địa liền....

#### **7.4. Hoạt động du lịch**

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh thông tin tuyên truyền quảng bá du lịch bằng nhiều hình thức trên các Trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội để thu hút khách du lịch đến với Hà Giang. Thường xuyên cập nhật các thông tin về các lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trong và ngoài tỉnh trên Website của ngành. Quảng bá hình ảnh, con người Hà Giang đến với khách du lịch trong nước và quốc tế thông qua các doanh nghiệp lữ hành, ấn phẩm du lịch, các trang thông tin điện tử, fanpage của Ngành, mạng xã hội.

Chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Du lịch tổ chức thành công chương trình đón những vị khách đầu tiên đến Hà Giang trong năm 2024; phối hợp tổ chức chương trình “Đón lộc đầu năm” với chủ đề “Sắc xuân biên cương” cho đoàn khách là kiều bào về Việt Nam nhân dịp Tết Nguyên đán. Tổ chức thành công hội thảo Dự án hỗ trợ phát du lịch bền vững của Chính phủ Thụy Sĩ tại Hà Giang; Tham mưu tổ chức Hội thảo về Đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận "Lễ hội hoa tam giác mạch Hà Giang"; Tiếp tục triển khai các hoạt động truyền thông quảng bá thương hiệu “Hà Giang là điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á”.

Trong quý I năm 2024, Hà Giang đón khoảng 848.000<sup>16</sup> lượt du khách, tăng 20,1% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 27% kế hoạch năm, tổng doanh thu từ du lịch ước đạt 2.103 tỷ đồng (riêng dịp nghỉ Tết Nguyên đán đã có 156.200 lượt du khách, tăng 81,6% so với cùng kỳ).

### **8. Thông tin về tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam**

#### **8.1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 được hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo thấp hơn năm 2023**

Các tổ chức quốc tế (UN, WB, OECD và EU) đều cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ thấp hơn năm 2023, riêng IMF dự báo bằng với năm 2023.

*Liên hợp quốc (UN):* Trong báo cáo Tình hình và triển vọng kinh tế thế giới 2024, UN nhận định trong bối cảnh rủi ro và bất ổn kéo dài, tăng trưởng GDP toàn cầu dự báo sẽ chậm lại từ mức 2,7% năm 2023 xuống 2,4% vào năm 2024. Mặc dù kinh tế thế giới tránh được kịch bản tụt tệ nhất là suy thoái kinh tế vào năm 2023, nhưng có nguy cơ đối mặt với thời kỳ tăng trưởng thấp kéo dài. Tốc độ tăng trưởng của Hoa Kỳ dự báo sẽ giảm từ mức 2,5% của năm 2023 xuống 1,4% trong năm 2024. Châu Âu gặp nhiều thách thức trong bối cảnh lạm phát vẫn neo cao và lãi suất cao, tuy nhiên tăng trưởng GDP của khối này được dự báo sẽ tăng từ mức 0,5% năm 2023 lên 1,2% vào năm 2024. Triển vọng tăng trưởng ở nhiều quốc gia đang phát triển, đặc biệt là các quốc gia dễ bị tổn thương và thu nhập thấp, vẫn còn yếu, khiến việc phục hồi hoàn toàn những tổn thất do đại dịch Covid-19 trở nên khó khăn hơn.

<sup>16</sup> Trong đó 83.000 lượt khách quốc tế và 765.000 lượt khách nội địa.

*Ngân hàng Thế giới (WB):* Trong Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu, WB dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2024 đạt 2,4%, thấp nhất trong ba năm liên tiếp (từ mức 6,0% năm 2021 xuống 3,0% năm 2022, 2,6% năm 2023 và 2,4% năm 2024). Mức sụt giảm tăng trưởng này phản ánh tác động trễ của các chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát cao, các điều kiện tín dụng hạn chế cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu. Triển vọng năm 2024 cũng cho thấy mức tăng trưởng chậm lại ở các nền kinh tế phát triển (dự báo chỉ đạt 1,2%), nhưng cải thiện phần nào tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển (dự báo đạt 3,9%).

*Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD):* Trong báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế của OECD tháng 02/2024, OECD nhận định tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2024 đạt 2,9%, thấp hơn mức 3,1% của năm 2023. Tăng trưởng GDP năm 2024 của Hoa Kỳ dự báo vẫn được hỗ trợ bởi chi tiêu hộ gia đình và điều kiện thị trường lao động mạnh mẽ, nhưng đạt mức vừa phải (2,1%). Tăng trưởng của khu vực đồng Euro năm 2024 dự báo chỉ đạt 0,6% do các điều kiện tín dụng tiếp tục thắt chặt trong thời gian tới. Tăng trưởng năm 2024 của Trung Quốc dự báo đạt 4,7% mặc dù Trung Quốc bổ sung thêm các chính sách kích thích kinh tế, điều này phản ánh nhu cầu tiêu dùng yếu, nợ cao và thị trường bất động sản yếu kém.

*Liên minh châu Âu (EU):* Theo Dự báo kinh tế mùa đông 2024 của EU, tăng trưởng toàn cầu (không bao gồm EU) đạt 3,3% vào năm 2024 thấp hơn mức 3,5% của năm 2023. Trong đó, dự báo tăng trưởng ở các nền kinh tế phát triển không bao gồm EU giảm từ mức 2,2% của năm 2023 xuống 1,9% trong năm 2024; tăng trưởng của Hoa Kỳ được dự báo đạt 2,1% trong năm 2024, giảm 0,4 điểm phần trăm so với năm 2023; nền kinh tế Nhật Bản đã chậm lại rõ rệt trong những tháng gần đây, tốc độ tăng trưởng trong năm 2024 được dự báo thấp hơn năm 2023 khi tiêu dùng tư nhân, thương mại và đầu tư yếu hơn. Tăng trưởng năm 2024 ở các nền kinh tế mới nổi (bao gồm cả Trung Quốc) được dự báo đạt 4,1%, giảm nhẹ so với mức 4,2% trong năm 2023. Nhu cầu trong nước của Trung Quốc vẫn yếu do khủng hoảng bất động sản tiếp tục đè nặng lên chi tiêu của hộ gia đình và doanh nghiệp. Mức nợ cao đang tác động tiêu cực lên các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời hạn chế khả năng can thiệp chính sách của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển khác cho thấy khả năng phục hồi đáng kinh ngạc bất chấp những cơn gió ngược toàn cầu, với mức tăng trưởng dự báo sẽ tăng dần vào năm 2024.

*Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF):* Theo báo cáo Cập nhật triển vọng kinh tế thế giới tháng 01/2024 của IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 dự báo đạt 3,1%, giữ nguyên so với tăng trưởng năm 2023. Số liệu này phản ánh các chính sách tiền tệ giảm dần, tiến tới ngừng hỗ trợ tài chính cũng như tăng năng suất thấp. Tăng trưởng năm 2024 của các nền kinh tế phát triển dự báo giảm nhẹ và đạt 1,5% với sự phục hồi ở khu vực đồng Euro và tăng trưởng vừa phải ở Hoa Kỳ. Thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển dự báo tăng trưởng ổn định ở mức 4,1% trong năm 2024, nhưng khác nhau theo các khu vực.

## **8.2. Tổng quan về biến động thị trường thế giới**

### ***Thương mại hàng hóa toàn cầu tăng trưởng yếu trong năm 2024***

Trong báo cáo Thước đo thương mại hàng hóa công bố ngày 08/3/2024, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)<sup>17</sup> nhận định thương mại hàng hóa toàn cầu ghi nhận mức tăng khiêm tốn trong Quý I/2024 sau kết quả yếu kém của năm 2023. Chỉ số thước đo thương mại hàng hóa đạt 100,6 cao hơn một chút so với giá trị cơ bản (là 100). Điều này cho thấy thương mại hàng hóa có khả năng dần phục hồi trong những tháng đầu năm 2024, tuy nhiên, căng thẳng địa chính trị tiếp tục gây ra rủi ro đối với triển vọng trong ngắn hạn.

WB dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu tăng từ mức 0,2% năm 2023 lên 2,3% trong năm 2024, một phần phản ánh sự phục hồi của nhu cầu đối với hàng hóa, đặc biệt tại các nền kinh tế phát triển. IMF nhận định tăng trưởng thương mại thế giới đạt 3,3% vào năm 2024, thấp hơn mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019. Căng thẳng thương mại gia tăng và sự phân mảnh địa kinh tế dự kiến sẽ tiếp tục đè nặng lên tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2024 khi các quốc gia đã áp đặt khoảng 3.000 hạn chế trong năm 2023 (năm 2019 là 1.100 hạn chế).

OECD có cùng nhận định với WB khi cho rằng thương mại toàn cầu năm 2024 vẫn trầm lắng nhưng đã bắt đầu có một số dấu hiệu cải thiện. Sản xuất chất bán dẫn và điện tử ở châu Á tăng cùng với doanh số bán ô tô tăng mạnh đang giúp củng cố thương mại hàng hóa và dịch vụ. Các cuộc tấn công vào hoạt động vận tải biển ở Biển Đỏ đã khiến các luồng thương mại phải định tuyến lại, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian giao hàng, đặc biệt đối với thương mại từ châu Á đến châu Âu. Điều này đã bắt đầu làm gián đoạn lịch trình sản xuất ở châu Âu, đặc biệt đối với các nhà sản xuất ô tô.

### ***Lạm phát toàn cầu tiếp tục xu hướng giảm về mức mục tiêu***

OECD nhận định trong trường hợp không có thêm những cú sốc bất lợi về nguồn cung, nhu cầu hạ nhiệt sẽ cho phép lạm phát chung và lạm phát cơ bản giảm hơn nữa ở hầu hết các nền kinh tế.

Theo WB, lạm phát toàn cầu và lạm phát cơ bản tiếp tục giảm so với mức đỉnh 8,59% trong Quý III/2022. Tuy nhiên, lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu ở hầu hết các nền kinh tế phát triển và khoảng một nửa các quốc gia thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Lạm phát toàn cầu năm 2024 được dự báo ở mức 3,7%, tuy vẫn cao hơn mức trung bình trước đại dịch nhưng đang tiệm cận mức mục tiêu lạm phát của ngân hàng trung ương. Việc thắt chặt tiền tệ của các nền kinh tế phát triển dần đi đến hồi kết, nhưng lãi suất thực tế dự kiến sẽ vẫn tăng cao cho đến khi lạm phát dần trở lại mức mục tiêu khiến quan điểm hạn chế chính sách tiền tệ của các nền kinh tế phát triển sẽ tiếp tục được duy trì trong thời gian tới.

---

<sup>17</sup> WTO (Tháng 3/2024), “Thước đo thương mại hàng hóa tiếp tục cho thấy đà tăng yếu trong thương mại”, [https://www.wto.org/english/news\\_e/news24\\_e/wtoi\\_08mar24\\_e.htm](https://www.wto.org/english/news_e/news24_e/wtoi_08mar24_e.htm), truy cập ngày 18/3/2024.

IMF cũng đồng quan điểm khi cho rằng lạm phát toàn cầu dự báo sẽ giảm từ mức 6,8% trong năm 2023 (mức trung bình hàng năm) xuống 5,8% vào năm 2024. Theo đó, trong năm 2024, mức lạm phát của các nền kinh tế phát triển dự báo giảm nhanh, đạt 2,6%, trong khi lạm phát ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển giảm nhẹ, đạt 8,1%. Cuộc xung đột gần đây ở Trung Đông cho đến nay tác động không đáng kể đến giá cả hàng hóa. Giá trung bình của hầu hết các mặt hàng tính theo đồng đô la Mỹ đã giảm kể từ năm 2023 trong bối cảnh nhu cầu giảm, tuy nhiên vẫn cao hơn mức trước đại dịch.

### ***Điều kiện tài chính đã nói lỏng nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn yếu***

OECD cho rằng các điều kiện tài chính toàn cầu gần đây đã nói lỏng khi những người tham gia thị trường tài chính dự đoán lãi suất chính sách sẽ giảm nhanh hơn so với dự kiến. Lợi suất trái phiếu dài hạn giảm, biến động giá cổ phiếu cũng giảm dần. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng vẫn yếu do tác động của lãi suất cho vay vẫn cao và các tiêu chuẩn tín dụng ngày càng chặt chẽ hơn.

Theo WB, lợi suất dài hạn trái phiếu chính phủ của các nền kinh tế phát triển tương đối biến động trong năm 2023, phản ánh những kỳ vọng đang thay đổi về lộ trình tăng trưởng lãi suất trong tương lai và những biến động lớn về phí bảo hiểm có kỳ hạn. Mặc dù lợi suất đã giảm so với mức đỉnh 4,1% cuối tháng 10/2023, nhưng vẫn hàm ý gia tăng rủi ro tài chính, do mức nợ chính phủ trung bình so với GDP toàn cầu đã tăng 20 điểm phần trăm kể từ năm 2007.

Giá dầu dự báo sẽ giảm xuống còn 81 USD/thùng vào năm 2024 khi hoạt động toàn cầu chậm lại và nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc. Giá kim loại giảm 10% trong năm 2023 do nhu cầu thấp từ các nền kinh tế lớn - đặc biệt là Trung Quốc, quốc gia chiếm 60% lượng tiêu thụ kim loại toàn cầu, trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản của nước này suy yếu kéo dài.

Giá kim loại dự báo sẽ giảm hơn nữa trong năm 2024, trước khi tăng vào năm 2025 khi lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc ổn định và nhu cầu về kim loại được sử dụng trong quá trình chuyển đổi xanh (như đồng và niken) tăng lên.

Giá lương thực đã giảm 9% vào năm 2023, phản ánh nguồn cung dồi dào từ các loại cây trồng chính, đặc biệt ngũ cốc. Gạo là ngoại lệ khi tăng 27% năm 2023 trong bối cảnh hạn chế xuất khẩu gạo non-basmati từ Ấn Độ. Dự báo giá lương thực sẽ tiếp tục giảm khoảng 1% năm 2024. Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của FAO (FFPI)<sup>18</sup> trong tháng 02/2024 ở mức 117,3 điểm, giảm 0,9 điểm (tương ứng giảm 0,7%) so với tháng 01/2024, do giá ngũ cốc và dầu thực vật giảm nhiều hơn so với mức tăng của giá đường, thịt và các sản phẩm từ sữa. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số FFPI giảm 13,8 điểm (tương ứng giảm 10,5%).

<sup>18</sup> FAO (Tháng 02/2024), “Chỉ số giá lương thực thực phẩm”, <https://www.fao.org/worldfoodsituation/foodpricesindex/en/>, truy cập ngày 18/3/2024.

### ***Thị trường lao động phục hồi nhưng không đồng đều***

Theo UN, thị trường lao động toàn cầu đã phục hồi nhanh chóng kể từ sau đại dịch. Đến năm 2023, tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều nền kinh tế đã giảm xuống dưới mức trước đại dịch, đạt mức thấp gần như lịch sử ở Hoa Kỳ và một số nền kinh tế châu Âu. Tuy nhiên, sự phục hồi này không đồng đều, đặc biệt các nền kinh tế đang phát triển đang trải qua những xu hướng khác nhau. Brazil, Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp giảm, nhưng nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là ở Tây Á và châu Phi đang trải qua tỷ lệ thất nghiệp cao. Ở hầu hết các nền kinh tế, tăng trưởng tiền lương không thể bù đắp được tác động của lạm phát và làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt. Thị trường lao động ở các nước đang phát triển tiếp tục đối mặt với những thách thức dai dẳng về việc làm phi chính thức, chênh lệch giới tính và tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên cao.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)<sup>19</sup> nhận định tăng trưởng việc làm cho thấy khả năng phục hồi của thị trường lao động. Trong năm 2023, nhờ tốc độ tăng trưởng việc làm mạnh mẽ, tỷ lệ thất nghiệp và khoảng cách việc làm đều giảm xuống dưới mức trước đại dịch. Tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu năm 2023 là 5,1%, khoảng cách việc làm toàn cầu<sup>20</sup> cũng được cải thiện vào năm 2023, nhưng vẫn ở mức gần 435 triệu người. Ngoài ra, tỷ lệ tham gia thị trường lao động phần lớn đã phục hồi sau đại dịch, đặc biệt là ở các quốc gia có thu nhập trung bình thấp và các quốc gia có thu nhập cao. Tuy nhiên, triển vọng thị trường lao động trong thời gian tới chững lại khi tỷ lệ thất nghiệp dự báo sẽ tăng nhẹ từ mức 5,1% năm 2023 lên 5,2% vào năm 2024.

### ***8.3. Đánh giá của các tổ chức về tình hình kinh tế Việt Nam 2024***

- *Dự báo của UN*: Tiêu dùng cá nhân dự kiến sẽ duy trì ở mức ổn định tại hầu hết các nền kinh tế trong khu vực nhờ áp lực lạm phát giảm dần và thị trường lao động ổn định. Việc mở cửa trở lại và lượng khách quốc tế phục hồi giúp tăng cường doanh thu từ du lịch của nhiều nền kinh tế trong khu vực Đông Á, góp phần vào tăng trưởng xuất khẩu dịch vụ. Ngoài ra, một số nền kinh tế đang nỗ lực thực hiện các chính sách đổi mới sáng tạo mang tính chiến lược, thúc đẩy đa dạng hóa xuất khẩu và tăng cường tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Theo đó, UN dự báo tăng trưởng năm 2024 của Việt Nam đạt 6,0%, tăng 1,3 điểm phần trăm so với mức 4,7% của năm 2023.

<sup>19</sup> ILO (Tháng 01/2024), “Triển vọng xiết làm và xã hội Thế giới: Xu hướng 2024”.

[https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---inst/documents/publication/wcms\\_908142.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---inst/documents/publication/wcms_908142.pdf), truy cập ngày 18/3/2024.

<sup>20</sup> Khoảng cách việc làm là một chỉ số mới do ILO xây dựng, phản ánh tất cả những người không có việc làm mong muốn tìm việc làm. Chỉ tiêu này cho biết rõ hơn về tình hình việc làm của phụ nữ so với chỉ tiêu về tỷ lệ thất nghiệp vẫn thường được sử dụng.

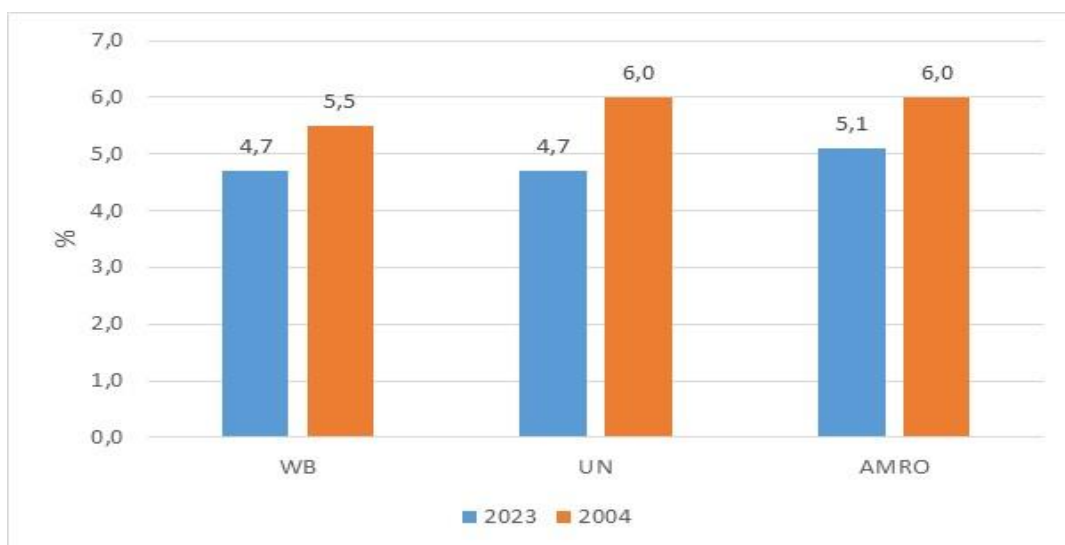
Nguồn: [https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/news/WCMS\\_869930/lang-en/index.htm#:~:text=A%20new%20indicator%20developed%20by%20the%20ILO%2C%20the%20Jobs%20Gap,more%20commonly%20used%20unemployment%20rate.](https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/news/WCMS_869930/lang-en/index.htm#:~:text=A%20new%20indicator%20developed%20by%20the%20ILO%2C%20the%20Jobs%20Gap,more%20commonly%20used%20unemployment%20rate.)



- *Dự báo của WB*: Trong báo cáo cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 01/2024, WB nhận định sản xuất công nghiệp tiếp tục cải thiện hơn nhưng triển vọng vẫn khá ảm đạm. Tiếp nối đà hoạt động kinh tế tích cực kể từ Quý IV/2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 2,08% so với tháng trước và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước. Xuất nhập khẩu hàng hóa tiếp tục phục hồi do nhu cầu bên ngoài được cải thiện, tăng 11,1% so với tháng trước và 42,0% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn ổn định khi cam kết FDI đạt gần 2,4 tỷ USD trong tháng 01/2024. Giải ngân vốn FDI đạt 1,5 tỷ USD trong tháng 01/2024, cao hơn 9,6% so với một năm trước. Tuy nhiên, tăng trưởng tiêu dùng có thể chưa đạt kỳ vọng do niềm tin của người tiêu dùng vẫn còn yếu. Sự gia tăng của chi phí logistics quốc tế đối với thương mại hàng hóa do xung đột Trung Đông, mặc dù mang tính thời điểm tạm thời, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam và sự phục hồi của nền kinh tế. Chênh lệch giữa lãi suất toàn cầu và trong nước có thể gây áp lực lên thị trường ngoại hối. WB dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5,5% trong năm 2024, cao hơn mức 4,7% của năm 2023.

- *Dự báo của AMRO*: Nhu cầu trong nước mạnh mẽ tiếp tục củng cố tăng trưởng ở ASEAN+3. Tiêu dùng tư nhân vẫn ổn định nhờ điều kiện thị trường lao động thuận lợi trong bối cảnh lạm phát thấp hơn. Doanh số bán lẻ và chi tiêu cho dịch vụ tiếp tục tăng mạnh, được hưởng lợi từ sự phục hồi liên tục trong lĩnh vực du lịch và lữ hành. Xuất khẩu hàng hóa của ASEAN+3 dần cải thiện. Nhu cầu hàng hóa từ Hoa Kỳ dần trở lại bình thường cũng có thể tác động tích cực đến xuất khẩu trong khu vực. Du lịch tiếp tục giúp xuất khẩu dịch vụ ASEAN+3 tăng, phản ánh sự quay trở lại của khách du lịch Trung Quốc. Lạm phát có xu hướng giảm cùng với giá hàng hóa toàn cầu, đồng thời giá lương thực cũng giảm do sản lượng tăng trong khu vực. Theo đó, AMRO dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 6,0% trong năm 2024, cao hơn 0,9 điểm phần trăm so với mức 5,1% trong năm 2023.

**Ước tính tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 và dự báo tăng trưởng năm 2024 theo một số tổ chức quốc tế**



Theo Trading Economics, dự báo tăng trưởng Quý I/2024 của Việt Nam so với cùng kỳ năm trước đạt 4,9%.

## **II. CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI**

### ***1. Giải quyết việc làm, hỗ trợ lao động thất nghiệp***

Ngành chức năng đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện về lĩnh vực lao động, việc làm. Ban hành hướng dẫn thực hiện phương án thí điểm đưa lao động Hà Giang sang Trung Quốc làm việc theo thỏa thuận. Công tác tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm và kết nối cung, cầu lao động cũng như công tác đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài luôn được ngành chức năng quan tâm thực hiện. Kết quả trong quý I/2024, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 9.050 lao động, đạt 50% kế hoạch, tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2023. Lao động làm việc tại địa phương 2.250 người; lao động làm việc ngoài tỉnh 6.800 người (trong đó lao động đi làm việc ngoài tỉnh 5.479 người; lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 34 người; lao động đi làm việc tại Trung Quốc theo Thỏa thuận 1.287 người). Ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 620 người kết hợp với tư vấn việc làm, học nghề cho người lao động.

Trong quý I/2024 trình tỉnh cấp phép cho 01 đơn vị đưa lao động Hà Giang sang Trung Quốc làm việc theo Thỏa thuận và cấp phép cho 01 doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Chấp thuận 09 vị trí sử dụng lao động người nước ngoài cho 02 đơn vị; Cấp 7 giấy phép lao động cho người nước ngoài; Thu hồi 13 giấy phép lao động; Giới thiệu 03 doanh nghiệp tuyển dụng lao động; Tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể đối với 02 đơn vị. Phối hợp với các huyện đẩy mạnh hoạt động tư vấn giới thiệu việc làm gắn với thị trường và kết nối cung, cầu lao động, tổ chức 05 hội chợ việc làm tại các huyện Xín Mần, Hoàng Su Phì, Vị Xuyên, Mèo Vạc, Yên Minh giúp người lao động tiếp cận với doanh nghiệp và thông tin việc làm để tìm kiếm việc làm.

### **2. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội**

Tình hình đời sống dân cư của tỉnh trong quý I/024 nhìn chung tiếp tục ổn định và phát triển, các hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, các hoạt động dịch vụ, du lịch phát triển tốt, nhất là hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ được tăng cường để phục vụ nhu cầu của khách du lịch đến địa bàn tỉnh tăng đột biến trong dịp tết Nguyên đán; các chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ thu hút và tạo việc làm cho lực lượng lao động trong tỉnh. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững. Đồng bào các dân tộc chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm bố trí ngân sách và tổ chức thực hiện, nhất là chính sách hỗ trợ trực tiếp đến người nghèo như hỗ trợ phát triển sản xuất, cứu đói, cứu tế,

khắc phục thiệt hại do thiên tai, hỗ trợ y tế, giáo dục, an sinh xã hội... giúp người nghèo ổn định cuộc sống, phát triển sản xuất, tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản và các thành tựu phát triển kinh tế xã hội.

Công tác đền ơn đáp nghĩa luôn được các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm thực hiện tốt đối với các đối tượng chính sách xã hội, người có công thông qua các hoạt động tổ chức kỷ niệm các ngày tết, lễ của dân tộc. Tổ chức tốt các hoạt động như: Thăm, tặng quà đối với các đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán đảm bảo đầy đủ, đúng đối tượng; triển khai hỗ trợ cứu đói kịp thời trước tết nguyên đán, rà soát các hộ đói giáp hạt..., thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội khác trên địa bàn tỉnh. Trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024 toàn tỉnh đã tổ chức thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách người có công với cách mạng là 9.529 lượt đối tượng với tổng số tiền 4,0 tỷ đồng<sup>21</sup>. Tổ chức thăm, tặng quà cho 147 đơn vị và 138.567 lượt đối tượng chính sách xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người lao động có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 63,5 tỷ đồng<sup>22</sup>. Duy trì quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng và tổ chức đón tết Nguyên Đán Giáp Thìn đầy đủ, chu đáo và an toàn cho 152 đối tượng bảo trợ xã hội tại các cơ sở trợ giúp xã hội. Tiếp nhận và cấp phát gạo cứu đói dịp Tết Nguyên đán năm 2024 của Chính phủ hỗ trợ cho 3.693 hộ = 16.908 khẩu với 253.620 kg gạo đến các hộ gia đình trước Tết Nguyên Đán. Thành phố Hà Giang và huyện Vị Xuyên tự cân đối cấp phát cho 87 hộ = 296 khẩu với 4.440 kg gạo cứu đói dịp tết Nguyên Đán 2024.

### 3. Giáo dục- đào tạo

Trong quý I năm 2024, Sở GD&ĐT đã tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Tổ chức: Thi học sinh giỏi quốc gia THPT năm học 2023-2024; thi học sinh giỏi cấp tỉnh THCS, THPT năm học 2023- 2024; Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Hà Giang lần thứ 7; Cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 53 năm 2024; Hội khỏe Phù Đổng tỉnh Hà Giang lần thứ IX năm 2024. Hội thi giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi Tiểu học cấp tỉnh năm học 2023-2024; tổ chức Giao lưu các môn học và hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học cấp tỉnh. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ; tổ chức ôn tập cho học sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2024-2025 và học sinh lớp 12 chuẩn bị tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Hoàn thiện hồ sơ biên soạn tài liệu GD địa phương lớp 4 trình UBND tỉnh đề nghị Bộ GD&ĐT phê duyệt, tiếp tục xây dựng kế hoạch biên soạn tài liệu GDDP lớp 5 và lớp 12; triển

<sup>21</sup> Trong đó: Quà Chủ tịch nước từ NSTW cho 3.404 người = 1.041,9 trđ; Quà của tỉnh từ NS Tỉnh cho 3.439 người và 01 đơn vị = 1.741 trđ.; Quà từ NS Huyện cho 746 người = 311,76 trđ.; Quà từ NS Xã cho 657 người = 180,4 trđ; Quà từ nguồn xã hội hóa cho 1.283 người = 744,58 trđ.

<sup>22</sup> Quà từ NS tỉnh: 1.285,2 triệu đồng/1.127 ĐT; Quà từ NS cấp huyện: 14.642,3 triệu đồng/28.375 lượt ĐT; Quà từ NS cấp xã: 108,2 triệu đồng/198 lượt ĐT; Quà Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 2.793,9 triệu đồng/5.915 lượt người lao động; Quà từ xã hội hóa 44.759,654 triệu đồng/102.952 lượt ĐT. Thăm tặng quà 147 đơn vị (gồm: 34 xã biên giới, 12 đơn vị biên phòng, 101 đơn vị trực tết) với tổng trị giá 842 triệu đồng.

khai Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT Quy định về dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào học lớp 1 từ năm học 2024-2025; triển khai bồi dưỡng modul 6,7,8 cho CBQL, GV thực hiện Chương trình GDPT 2018. Xây dựng kế hoạch đánh giá thực hiện chuyên học sinh từ điển trường về trường chính giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch giai đoạn 2025-2030. Triển khai thực hiện Dự án TALK (làm giàu ngôn ngữ cho trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Hà Giang). Kế hoạch thực hiện Đề án 468 “Đề án Phát triển hệ thống đánh giá diện rộng cấp quốc gia đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và hội nhập quốc tế của giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Quy mô mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp, tính đến ngày 15/03/2024, Hà Giang có tổng số 815 cơ sở giáo dục<sup>23</sup> (giảm 04 cơ sở giáo dục<sup>24</sup> so với năm học 2022-2023); có 1.297 điểm trường (giảm 90 điểm trường so với cùng kỳ năm học 2022-2023<sup>25</sup>) bao gồm: 1.206 điểm có trẻ mầm non, tiểu học hiện đang học (có 117 điểm trường chỉ có lớp HS tiểu học; 495 điểm trường chỉ có riêng lớp trẻ mầm non; 594 điểm trường có cả lớp HS tiểu học và lớp trẻ mầm non cùng học) và 91 điểm trường hiện không còn HS nhưng chưa bàn giao; số học sinh chuyển từ các điểm trường về học tại trường chính là 9.795 học sinh; có 244 lớp ghép 02 trình độ<sup>26</sup> (giảm 33 lớp ghép 02 trình độ so với cùng kỳ năm học 2022-2023). Các cơ sở giáo dục đã phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương trong việc vận động duy trì sĩ số học sinh tại đơn vị. Tính đến 15/3/2024, tỉ lệ học sinh bỏ học chiếm 0,28% (giảm 0,03% so với cùng kỳ năm học 2022-2023). Tỉ lệ duy trì sĩ số hàng ngày trung bình các cấp học đạt trên 98,35%, một số địa phương tỉ lệ duy trì sĩ số còn thấp chưa đạt chỉ tiêu đề ra<sup>27</sup>.

#### **4. Văn hoá - thể thao**

Trong quý I ngành đã tập trung tham mưu và thực hiện triển khai linh hoạt, có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch và gia đình trên địa bàn tỉnh với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Đồng thời hướng dẫn các cấp tăng cường hoạt động quản lý lễ hội, đặc biệt thực hiện hiệu quả nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội,

<sup>23</sup> 211 trường mầm non; 170 trường Tiểu học; 145 trường THCS; 45 trường TH&THCS; 18 trường THCS&THPT; 22 trường THPT; 09 Trung tâm GDNN-GDTX huyện; 01 trường Trung cấp DTNT-GDTX Bắc Quang; 01 Trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh; 193 trung tâm Học tập cộng đồng.

<sup>24</sup> Sáp nhập Trường THCS Kim Thạch và Trường TH Kim Thạch thành trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Thạch, huyện Vị Xuyên; sáp nhập Trường tiểu học và trung học cơ sở Bán Páo vào Trường tiểu học và trung học cơ sở Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì; sáp nhập Trường tiểu học Hồ Thầu với Trường THCS Hồ Thầu thành Trường tiểu học và trung học cơ sở Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì; sáp nhập trường Mầm non Ngán Chiên vào trường Mầm non Trung Thịnh; sáp nhập trường PTDTBT Tiểu học Ngán Chiên với khối Tiểu học của Trường PTDTBT Tiểu học & THCS Trung Thịnh thành Trường PTDTBT Tiểu học Trung Thịnh; sáp nhập trường PTDTBT THCS Ngán Chiên với khối THCS của Trường PTDTBT Tiểu học & THCS Trung Thịnh thành Trường PTDTBT THCS Trung Thịnh. Thành lập mới 02 trường: Trường THCS Chu Văn An, huyện Quang Bình; Trường Mầm non Nụ Cười Hạnh Phúc, thành phố Hà Giang và 01 trường CĐSP Hà Giang chuyển thành Phân hiệu của ĐHTN.

<sup>25</sup> Đối với cấp tiểu học giảm 47 điểm trường; Đối với cấp mầm non giảm 43 điểm trường

<sup>26</sup> Bắc Quang: 45 lớp; Bắc mê: 33 lớp; Đồng văn: 9 lớp; Mèo vạc: 46 lớp; Quan Bạ: 02 lớp; Vị Xuyên: 16 lớp; Quang Bình: 06 lớp; Xin Mần: 32 lớp; Yên Minh: 55 lớp.

<sup>27</sup> Mèo Vạc: Mầm non: 95,87; Tiểu học: 97,99; THCS: 95,04.

Đồng Văn : Mầm non: 97,46; Tiểu học: 98,47; THCS: 96,49.

tập trung chỉ đạo công tác quản lý, tổ chức lễ hội, đảm bảo an toàn, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương và truyền thống văn hóa của dân tộc. Gắn việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, các trò chơi dân gian nhằm thu hút đông đảo nhân dân và du khách tham gia. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực như sau:

Nghệ thuật biểu diễn: Đoàn Nghệ thuật tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh xây dựng và tổ chức tập luyện 07 chương trình phục vụ Tết 2024 và các sự kiện chính trị của tỉnh. Đồng thời Đoàn nghệ thuật tỉnh đã đi biểu diễn phục vụ đồng bào tại các huyện được 25 buổi; phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài PTTH tỉnh tổ chức quay chương trình nghệ thuật phát trên các kênh sóng trong dịp Tết Nguyên đán và kỷ niệm 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh tổ chức thành công Đoàn nghệ nhân dân tộc Lô Lô, Pu Péo, La Chí, Cờ Lao tham gia chương trình Sắc xuân trên mọi miền Tổ quốc tại Làng văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Hoạt động tuyên truyền, cổ động, điện ảnh: Trong 3 tháng đầu năm các đơn vị đã tập trung làm tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới và các nội dung về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, tàng trữ mua bán pháo, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm... Thực hiện tuyên truyền lưu động được trên 300 buổi, 438 buổi chiếu phim lưu động phục vụ trên 46.410 lượt người. Hoàn thành 14 video, phóng sự ngắn đăng trên trang Fanpage của Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh và kênh Tiktok.

Hoạt động thể thao: Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng năm 2024. Tiếp tục thực hiện Đề án về phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2016- 2026; thường xuyên duy trì đảm bảo quân số, xây dựng kế hoạch tham gia tập huấn và thi đấu các giải do trung ương tổ chức. Ban hành Điều lệ, các quyết định thành lập Ban tổ chức và tiểu ban tổ chức 02 giải (giải Việt dã, giải Quần vợt Cúp các câu lạc bộ tỉnh Hà Giang năm 2024); thành lập đoàn vận động tham gia 05 giải thể thao toàn quốc (Cúp Wushu, Vô địch các CLB Pencaksilat, giải Vô địch Cúp CLB bóng ném; giải Cúp CLB Kickboxing). Hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2024; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và các trò chơi dân gian trong dịp tết Nguyên đán như: Kéo co, ném còn, cờ tướng, cờ người... và một số môn thể thao hiện đại như: Bóng đá, bóng chuyền nhằm tạo không khí vui tươi, lành mạnh.

## **5. Hoạt động y tế**

- *Công tác phòng chống bệnh Bạch Hầu*: Trong quý I/2024 phát hiện 03 ca bệnh dương tính với Bạch hầu với 01 ca tử vong. Lũy kế tổng số ca mắc bệnh

Bạch Hầu (từ ngày 23/8/2023 đến 15/3/2024) là 51 ca, trong đó: Mèo Vạc 27; Yên Minh 19; Quản Bạ 04, Đồng Văn 01 với 05 ca bệnh tử vong do bệnh Bạch Hầu (huyện Mèo Vạc 04 ca và huyện Yên Minh 01 ca).

- *Các loại bệnh khác*: Bệnh nhân lao các thể được phát hiện 98; Bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới phát hiện 92; Bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học được điều trị khỏi 36; Lao phổi AFB âm tính 08; Lao ngoài phổi 30; Số lam xét nghiệm đờm 387; Bệnh nhân tâm thần mới phát hiện trong tháng 26; Số bệnh nhân đang quản lý và điều trị ổn định 3 2.171 (Tâm thần phân liệt 766; Rối loạn tâm thần 625; Động kinh 765; Trầm cảm 15). Bệnh nhân thu hồi bệnh án 03; Tử vong 02; Chuyển đi 02. Số người bệnh phong đang được quản lý là 45... Bệnh truyền nhiễm: Cúm mùa 3.746 ca; Ly amip 02 ca; Quai bị 04 ca; Tay chân miệng 01 ca; Thủy đậu 215 ca; Tiêu chảy 1.175 ca; Sởi 05 ca.

*Công tác khám chữa bệnh*: Trong quý đã thực hiện khám chữa bệnh chung là 253.297 lượt. Trong đó khám tại bệnh viện và phòng khám đa khoa khu vực 168.076 lượt; khám tại xã 85.221 lượt. Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 50.191 lượt với tổng số ngày điều trị nội trú 270.836 ngày. Số bệnh nhân tử vong tại bệnh viện 09 người. Tổng số xét nghiệm 974.410 lượt. Tổng số siêu âm 62.599 lượt. Tổng số chụp Xquang 72.878 lượt.

*Công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm*: Trong quý I/2024 trên địa bàn tỉnh không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Công tác truyền thông đảm bảo an toàn thực phẩm cũng như triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm trên địa bàn được ngành chức năng quan tâm triển khai thực hiện đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ lớn. Trong quý đã tiến hành kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được 2.370 cơ sở, trong đó số cơ sở đạt 2.237 chiếm 94%, không đạt 133 cơ sở chiếm 6%. Tiến hành xử phạt hành chính 02 cơ sở với số tiền 15,5 triệu đồng; Số bị nhắc nhở 35 cơ sở; Thực phẩm bị tiêu hủy 25kg với giá trị 6,7 triệu đồng.

## **6. Trật tự - an toàn giao thông**

Từ ngày 16/2 đến 15/3/2024 đã xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng làm 02 người chết và 02 người bị thương. So với tháng trước giảm 05 vụ tai nạn, giảm 05 người chết và 04 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2023 giảm 05 vụ tai nạn, giảm 04 người chết, giảm 02 người bị thương. Tính chung quý I/2024 toàn tỉnh xảy ra 23 vụ tai nạn giao thông, làm chết 18 người, bị thương 20 người. So với quý I/2023 số vụ tai nạn giao thông tăng 06 vụ, số người chết tăng 06 người và số người bị thương tăng 07 người.

Trong quý I/2024 lực lượng chức năng đã phát hiện và xử lý 9.824 trường hợp vi phạm an toàn khi tham gia giao thông (ô tô 1.808, mô tô 8.009, phương tiện thủy 07), so với cùng kỳ năm trước tăng 2.984 trường hợp. Lực lượng chức năng

đã tiên hành tước giấy phép lái xe 1.640 trường hợp; tạm giữ 1.470 phương tiện. Tổng số tiền phạt do vi phạm giao thông nộp Kho bạc Nhà nước 9,4 tỷ đồng, tăng 3,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 9: Tai nạn giao thông quý I năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



### 7. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

- Tình hình cháy, nổ: Trong kỳ (từ ngày 15/2/2024 đến 15/3/2024) trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy, nổ. Tính chung quý I/2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 4 vụ cháy, không có vụ nổ, số người chết do cháy nổ 01 người, số người bị thương 0; thiệt hại về tài sản ước tính 6,3 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy tương đương, số người chết tăng 01 người và tổng giá trị thiệt hại về tài sản do cháy, nổ gây ra tăng 2,4 tỷ đồng.

**Hình 10: Tình hình cháy, nổ quý I năm 2024 (so với cùng kỳ năm trước)**



- Công tác bảo vệ môi trường: Theo kết quả tổng hợp báo cáo từ Công an tỉnh trong tháng toàn tỉnh phát hiện 12 vụ vi phạm về môi trường cơ quan chức năng

đã tiến hành xử lý 11 vụ vi phạm với tổng số tiền phạt 31 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2023 tăng 07 vụ phát hiện, số tiền xử phạt giảm 137 triệu đồng. Tính chung quý I/2024 đã phát hiện 36 vụ vi phạm môi trường với tổng số tiền xử phạt vi phạm là 430,5 triệu đồng. So với quý I năm 2023 số vụ vi phạm tăng 07 vụ, số tiền xử phạt tăng 67 triệu đồng.

*Khái quát lại*, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, khó đoán định; cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại gay gắt hơn. Cuộc xung đột quân sự tại Ukraine, căng thẳng trên Biển Đỏ, dải Gaza leo thang; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng suy giảm... Trong bối cảnh đó, kinh tế - xã hội tỉnh ta chịu sự tác động nhất định. Bên cạnh những kết quả đạt được trong quý I năm 2024 như: Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cơ bản vẫn ổn định; hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng trưởng khá, nền kinh tế trong tỉnh vẫn còn không ít khó khăn và tiếp tục đối mặt với những thách thức. Các doanh nghiệp mới bước vào kế hoạch 2024 các hợp đồng mới chưa triển khai; một số lĩnh vực sản xuất do thị trường tiêu thụ tiếp tục bị thu hẹp, các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng chủ yếu tập trung cho tiêu thụ hàng tồn kho; các nhà máy thủy điện thiếu nước cho sản xuất điện. Để phấn đấu đạt mục tiêu cao nhất các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024, Cục Thống kê Hà Giang đề xuất một số giải pháp chủ yếu như sau:

*Một là*, Chỉ đạo các huyện, thành phố tập trung chăm sóc các cây trồng vụ Xuân, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Mùa tuân thủ hướng dẫn về khung thời vụ và cơ cấu giống cây trồng. Triển khai hiệu quả Đề án chuyển đổi diện tích trồng cây Ngô kém hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025. Tập trung phát triển chuỗi hàng hóa đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân liên kết sản xuất tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm. Chú trọng chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là về giống, công nghệ sinh học. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Triển khai các biện pháp và hỗ trợ tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh ở cây trồng, vật nuôi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, không để dịch lây lan và bùng phát trên diện rộng.

*Hai là*, Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh. Kịp thời theo dõi, nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất. Tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận các gói chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tiếp cận nguồn vốn vay, giảm lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ... Chỉ đạo hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ các dự án đã đăng ký trên địa bàn sớm đi vào hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp điện và công nghiệp khai khoáng.

*Ba là*, Quyết liệt triển khai nhanh, hiệu quả các nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục



tiêu quốc gia, nhất là Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178) GD I từ Km0-Km27... đồng thời đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đối với các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa cao trong đó tập trung vào các dự án chuyên tiếp, hoàn thành trong năm đưa vào hoạt động để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

*Bốn là*, Cải tiến việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức tốt hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa với các tỉnh, thành phố. Duy trì và tăng cường hội đàm với Trung Quốc để đẩy mạnh các hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Nắm bắt sát tình hình thị trường giá cả, cung cầu hàng hóa, diễn biến thị trường, quản lý chặt chẽ giá cả trên thị trường.

*Năm là*, Tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến đầu tư về du lịch gắn với đa dạng hóa sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch; hợp tác, liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong và ngoài nước. Mặt khác tiếp tục phối hợp với các đơn vị, địa phương kêu gọi các dự án đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng các Làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tổ chức khảo sát tư vấn cho các làng văn hóa về phát triển làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với xây dựng nông thôn mới và giữ gìn văn hóa tín ngưỡng truyền thống.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội tháng 3 và quý I năm 2024, Cục Thống kê tỉnh Hà Giang tổng hợp báo cáo ./.

***Nơi nhận:***

- Vụ TH - TCTK ;
- Vụ TKQG - TCTK;
- VP Tỉnh uỷ;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở KH - ĐT;
- LĐ CTK;
- Chi cục Thống kê các huyện/TP;
- Lưu VT.

**CỤC TRƯỞNG**

**Trần Vĩnh Nội**

## 1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng 3 năm 2024

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ này	Thực hiện kỳ này so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)</b>			
<b>Lúa</b>			
Lúa Đông xuân	9.426,9	9.250,0	98,12
<b>Các loại cây khác</b>			
Ngô	18.807,8	21.523,7	114,44
Khoai lang	393,7	398,7	101,25
Lạc	5.403,7	5.720,9	105,87
Đậu tương	4.550,0	4.550,0	100,00
Rau các loại	5.478,1	5.481,3	100,06
Đậu các loại	1.383,5	1.383,5	100,00
<b>Sản lượng thu hoạch (Tấn)</b>			
Ngô	2.750,3	3.216,8	116,96
Rau các loại	39.860,0	42.945,5	107,74
Đậu các loại	360,9	375,2	103,95

## 2. Sản phẩm chăn nuôi quý I năm 2024

Chỉ tiêu	Thực hiện quý I năm 2023	Ước tính quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Sản lượng thịt hơi xuất chuồng (Tấn)</b>			
Thịt trâu	1.685,76	1.652,0	98,00
Thịt bò	1.355,4	1.402,8	103,50
Thịt lợn	13.075,4	14.043,0	107,40
Thịt gia cầm	3.596,7	3.896,7	108,34
<b>Sản lượng sản phẩm chăn nuôi khác</b>			
Trứng (Nghìn quả)	11.697,8	12.168,1	104,02
Sữa (Tấn)	-	-	-

### 3. Kết quả sản xuất lâm nghiệp

Chỉ tiêu	Thực hiện quý I năm 2023	Ước tính quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích rừng trồng mới tập trung (Ha)	384,2	106,5	27,72
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán (Nghìn cây)	537,1	984,8	183,35
Sản lượng gỗ khai thác (Nghìn m <sup>3</sup> )	25,1	25,4	101,54
Sản lượng củi khai thác (Nghìn ster)	261,3	261,3	100,01
Diện tích rừng bị thiệt hại			
Cháy rừng (Ha)	7,9	1,5	19,24
Chặt, phá rừng (Ha)	0,5	4,3	860,00

#### 4. Sản lượng thủy sản

Chỉ tiêu	<i>ĐVT: Tấn</i>		
	Thực hiện quý I năm 2023	Ước tính quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	<b>882,3</b>	<b>913,3</b>	<b>103,51</b>
Cá	872,3	902,6	103,46
Tôm	3,9	4,1	105,19
Thủy sản khác	6,1	6,7	108,83
<b>Sản lượng thủy sản nuôi trồng</b>	<b>827,8</b>	<b>858,1</b>	<b>103,66</b>
Cá	822,8	852,7	103,63
Tôm	0,9	1,0	113,84
Thủy sản khác	4,1	4,4	108,43
<b>Sản lượng thủy sản khai thác</b>	<b>54,6</b>	<b>55,2</b>	<b>101,16</b>
Cá	49,5	49,9	100,71
Tôm	3,0	3,1	102,74
Thủy sản khác	2,0	2,2	109,63

## 5. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3 và quý I năm 2024

Chỉ tiêu	<i>ĐVT: %</i>			
	Tháng 2 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 3 năm 2024 so với tháng trước	Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>Tổng số</b>	<b>74,40</b>	<b>108,92</b>	<b>73,96</b>	<b>88,16</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế cấp II</i>				
<b>1. Công nghiệp khai khoáng</b>	<b>3,44</b>	<b>564,23</b>	<b>16,63</b>	<b>20,59</b>
Khai thác quặng kim loại	-	-	13,39	16,07
Khai khoáng khác	100,74	125,25	109,27	122,67
<b>2. Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>	<b>80,33</b>	<b>118,58</b>	<b>81,91</b>	<b>105,47</b>
Sản xuất chế biến thực phẩm	121,58	104,89	94,27	124,15
Sản xuất đồ uống	54,25	17,56	11,74	59,99
Dệt	11,84	166,67	20,00	23,86
Sản xuất trang phục	69,01	109,85	103,67	91,96
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	87,56	174,27	96,15	139,98
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	21,05	137,50	35,26	40,11
In, sao chép bản ghi các loại	110,94	115,67	81,51	108,89
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	58,85	152,08	118,81	109,82
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	73,65	133,76	88,85	97,34
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	45,49	186,19	77,92	102,61
<b>3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt</b>	<b>96,68</b>	<b>98,16</b>	<b>92,03</b>	<b>97,78</b>
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	96,68	98,16	92,03	97,78
<b>4. Cung cấp nước, xử lý rác thải...</b>	<b>96,18</b>	<b>101,79</b>	<b>101,25</b>	<b>96,27</b>
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	94,12	101,70	102,80	95,29
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	99,03	101,91	99,27	97,59

## 6. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 3 và quý I năm 2024

Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 2 năm 2024	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tên sản phẩm</b> ( Theo ngành sản phẩm mới)						
1. Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung	Tấn	-	10.034	10.034	15,46	7,53
2. Đá xây dựng các loại	M3	12.915	16.250	46.765	99,17	111,71
3. Chè	Tấn	59	132	479	41,37	103,91
4. Ván ép	M3	2.043	4.000	12.234	110,86	164,06
5. Bột giấy các loại	Tấn	86	118	375	35,26	40,11
6. Sản phẩm in ( quy khổ 13x19 cm)	Tr.trang	6	7	24	81,51	108,89
7. Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng bằng xi măng, bê tông, đá nhân tạo	Tấn	414	818	2.214	80,57	65,30
8. Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	3.000	4.000	10.000	-	-
9. Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	M2	759	1.363	3.622	93,10	78,03
10. Điện sản xuất	Triệu kwh	106	103	321	92,60	98,48
11. Điện thương phẩm	Triệu kwh	38	40	121	86,29	90,75
12. Nước uống được	1000 m3	292	297	885	102,80	95,29
13. Rác thải đa thu gom- xử lý	Triệu đồng	919	937	2.783	99,27	97,59

## 7. **Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành**

*ĐVT: Tỷ đồng; %*

Chỉ tiêu	Thực hiện quý I năm 2023	Ước tính quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.784,5</b>	<b>2.466,1</b>	<b>88,57</b>
1. Vốn đầu tư thuộc ngân sách Nhà nước	1.247,2	970,4	77,81
2. Vốn trái phiếu Chính phủ	-	-	-
3. Vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch NN	-	0,9	-
4. Vốn vay từ các nguồn khác (của khu vực nhà nước)	3,3	64,8	1.951,03
5. Vốn đầu tư của DN nhà nước (Vốn tự có)	8,2	34,4	419,40
6. Vốn đầu tư của dân cư và tư nhân	1.379,6	1.395,7	101,16
7. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	22,6	-	-
8. Vốn huy động khác	123,5	-	-



## 8. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước

*ĐVT: Tỷ đồng; %*

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 2 năm 2024	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với kế hoạch năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>282,3</b>	<b>344,9</b>	<b>947,6</b>	<b>18,67</b>	<b>77,78</b>
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh</b>	<b>164,8</b>	<b>201,5</b>	<b>548,6</b>	<b>17,41</b>	<b>69,34</b>
Vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh	82,6	100,3	272,3	18,14	118,68
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	66,3	82,9	222,9	22,73	48,53
Vốn nước ngoài (ODA)	10,6	11,3	34,7	6,53	45,22
Xổ số kiến thiết	1,2	1,3	3,7	16,62	88,93
Vốn khác	4,2	5,6	15,1	13,10	69,71
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện</b>	<b>115,1</b>	<b>140,0</b>	<b>389,3</b>	<b>20,21</b>	<b>94,51</b>
Vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh	11,0	13,8	38,7	15,78	75,76
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	104,0	126,2	350,7	20,86	97,16
Vốn khác	-	-	-	-	-
<b>Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã</b>	<b>2,5</b>	<b>3,4</b>	<b>9,7</b>	<b>-</b>	<b>63,86</b>
Vốn cân đối ngân sách cấp tỉnh	1,1	1,6	4,3	-	71,71
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	1,5	1,8	5,4	-	58,69
Vốn khác	-	-	-	-	-

## 9. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Chi tiêu	Thực hiện tháng 2 năm 2024	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	<i>ĐVT: Tỷ đồng; %</i>	
				Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.503,9</b>	<b>1.524,2</b>	<b>4.683,1</b>	<b>118,23</b>	<b>119,64</b>
<i>Phân theo ngành kinh tế</i>					
1. Thương nghiệp	1.169,4	1.182,9	3.661,4	117,00	118,92
2. Lưu trú	25,9	27,7	79,5	130,12	130,45
3. Ăn uống	229,3	231,9	692,4	125,26	121,62
4. Du lịch lữ hành	2,8	2,8	7,7	132,00	145,77
5. Dịch vụ	76,6	78,9	242,1	113,23	121,00

## 10. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

*ĐVT: Tỷ đồng; %*

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 2 năm 2024	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.169,4</b>	<b>1.182,9</b>	<b>3.661,4</b>	<b>117,00</b>	<b>118,92</b>
<i>Phân theo nhóm hàng</i>					
1. Lương thực, thực phẩm	402,3	406,9	1.250,5	118,89	114,75
2. Hàng may mặc	96,8	98,1	314,1	114,81	125,95
3. Đồ dùng dụng cụ, trang thiết bị gia đình	136,8	138,1	419,1	137,44	126,54
4. Vật phẩm văn hóa, giáo dục	12,1	12,3	39,6	143,58	112,03
5. Gỗ và vật liệu xây dựng	199,8	204,3	637,1	106,37	120,30
6. Ô tô các loại	20,4	21,9	65,0	86,04	109,76
7. Phương tiện đi lại (Trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	34,7	30,3	116,6	126,71	160,24
8. Xăng, dầu các loại	166,3	168,6	496,0	107,64	107,62
9. Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)	27,4	27,6	87,1	152,18	127,44
10. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	3,3	2,9	11,2	186,29	200,42
11. Hàng hóa khác	36,8	38,4	119,5	106,83	123,52
12. Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy...	32,8	33,6	105,6	162,83	132,02

**11. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành  
và dịch vụ tiêu dùng khác tháng 3 và quý I năm 2023**

*ĐVT: Tỷ đồng; %*

Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 2 năm 2024	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>334,5</b>	<b>341,3</b>	<b>1.021,7</b>	<b>122,67</b>	<b>122,27</b>
<b>Dịch vụ lưu trú, ăn uống</b>	<b>255,2</b>	<b>259,6</b>	<b>771,9</b>	<b>125,76</b>	<b>122,47</b>
Dịch vụ lưu trú	25,9	27,7	79,5	130,12	130,45
Dịch vụ ăn uống	229,3	231,9	692,4	125,26	121,62
<b>Du lịch lữ hành</b>	<b>2,8</b>	<b>2,8</b>	<b>7,7</b>	<b>132,00</b>	<b>145,77</b>
<b>Dịch vụ tiêu dùng khác</b>	<b>76,6</b>	<b>78,9</b>	<b>242,1</b>	<b>113,23</b>	<b>121,00</b>

**12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ  
tháng 3 năm 2024**

***ĐVT: %***

Chỉ tiêu	Tháng 3 năm 2024 so với:				Bình quân quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc 2019	Tháng 3 năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 2 năm 2024	
<b>CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG</b>	<b>111,79</b>	<b>103,63</b>	<b>100,93</b>	<b>99,72</b>	<b>103,15</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	110,31	102,40	100,30	99,29	101,51
<i>Trong đó:</i> Lương thực	129,27	110,63	100,18	98,51	112,48
Thực phẩm	106,08	100,93	100,06	98,97	99,36
Ăn uống ngoài gia đình	114,98	101,99	101,58	101,63	102,21
Đồ uống và thuốc lá	119,77	101,77	101,00	99,99	98,89
May mặc, mũ nón và giày dép	109,02	101,21	100,09	100,22	100,51
Nhà ở và vật liệu xây dựng	125,24	118,09	103,44	99,91	118,78
Thiết bị và đồ dùng gia đình	114,30	98,68	100,10	100,04	99,20
Thuốc và dịch vụ y tế	112,95	108,94	100,14	100,00	108,78
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ y tế	118,22	115,24	100,00	100,00	115,24
Giao thông	106,46	99,10	102,85	100,06	98,77
Bưu chính viễn thông	98,34	97,69	98,95	99,63	97,60
Giáo dục	120,62	102,15	100,07	100,05	102,25
<i>Trong đó:</i> Dịch vụ giáo dục	119,99	101,93	100,00	100,00	101,93
Văn hoá, giải trí và du lịch	90,39	99,33	99,91	99,34	98,37
Đồ dùng và dịch vụ khác	119,48	104,33	100,55	100,30	104,38
<b>CHỈ SỐ GIÁ VÀNG</b>	<b>175,46</b>	<b>124,82</b>	<b>111,91</b>	<b>104,99</b>	<b>121,21</b>
<b>CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ</b>	<b>106,89</b>	<b>104,88</b>	<b>101,81</b>	<b>100,99</b>	<b>104,23</b>

### 13. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Chỉ tiêu	Ước tính	Ước tính	Tháng 3 năm	Tháng 3 năm	Quý I năm
	tháng 3	quý I	2024 so với	2024 so với	2024 so với
	năm	năm	tháng trước	cùng kỳ	cùng kỳ
	2024	2024	(%)	năm trước (%)	năm trước (%)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>78,9</b>	<b>238,4</b>	<b>99,49</b>	<b>120,50</b>	<b>121,17</b>
<b>Vận tải hành khách</b>	<b>29,5</b>	<b>85,8</b>	<b>101,90</b>	<b>117,46</b>	<b>119,30</b>
Đường bộ	25,2	74,1	101,77	122,53	123,75
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	4,3	11,7	102,71	94,27	97,21
<b>Vận tải hàng hóa</b>	<b>48,2</b>	<b>148,4</b>	<b>97,95</b>	<b>122,50</b>	<b>122,54</b>
Đường bộ	48,2	148,4	97,95	122,50	122,54
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Dịch vụ hỗ trợ vận tải</b>	<b>1,0</b>	<b>3,4</b>	<b>106,93</b>	<b>123,50</b>	<b>111,57</b>
Đường bộ	1,0	3,4	106,93	123,50	111,57
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>Bưu chính chuyển phát</b>	<b>0,3</b>	<b>0,8</b>	<b>93,80</b>	<b>103,73</b>	<b>119,29</b>
Đường bộ	0,3	0,8	93,80	103,73	119,29
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-

## 14. Vận tải hành khách và hàng hoá

Chi tiêu	Ước tính tháng 3 năm 2024	Ước tính quý I năm 2024	Tháng 3 năm 2024 so với tháng 2 năm 2024 (%)	Tháng 3 năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>A. HÀNH KHÁCH</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn HK)</b>	<b>338,5</b>	<b>982,5</b>	<b>101,45</b>	<b>116,50</b>	<b>119,70</b>
Đường bộ	280,4	822,3	101,19	114,20	117,41
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	58,2	160,2	102,74	128,98	133,04
<b>II. Luân chuyển (Nghìn HK.km)</b>	<b>41.231,2</b>	<b>120.071,9</b>	<b>102,09</b>	<b>115,39</b>	<b>121,01</b>
Đường bộ	40.669,0	118.626,7	102,10	114,84	120,59
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	562,2	1.445,3	101,39	178,10	169,20
<b>B. HÀNG HÓA</b>					
<b>I. Vận chuyển (Nghìn tấn)</b>	<b>320,4</b>	<b>998,7</b>	<b>99,64</b>	<b>122,31</b>	<b>128,86</b>
Đường bộ	320,4	998,7	99,64	122,31	128,86
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-
<b>II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)</b>	<b>13.850,8</b>	<b>42.846,7</b>	<b>99,08</b>	<b>122,01</b>	<b>123,10</b>
Đường bộ	13.850,8	42.846,7	99,08	122,01	123,10
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường thủy	-	-	-	-	-

## 15. Trật tự, an toàn xã hội

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý I năm 2024	Quý I năm 2024 so với cùng kỳ năm trước (%)
<b>Tai nạn giao thông</b>			
Tổng số vụ tai nạn giao thông	Vụ	23	135,29
Đường bộ	"	23	135,29
Đường sắt	"	-	-
Đường thủy	"	-	-
Số người chết	Người	18	150,00
Đường bộ	"	18	150,00
Đường sắt	"	-	-
Đường thủy	"	-	-
Số người bị thương	Người	20	153,85
Đường bộ	"	20	153,85
Đường sắt	"	-	-
Đường thủy	"	-	-
<b>Cháy, nổ</b>			
Số vụ cháy, nổ	Vụ	4	100,00
Số người chết	Người	1	-
Số người bị thương	"	0	-
Tổng giá trị tài sản thiệt hại	Triệu đồng	6.300	163,64